



Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. VŨ ĐỨC LỄ

Hội đồng Biên tập

TS. VŨ ĐỨC LỄ

TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

TS. TÔ VĂN SÔNG

TS. NGUYỄN THỊ ĐÀO

TS. TĂNG THẾ TOAN

TS. LÊ THỊ NGUYỆT

Trình bày, sửa bản in

VŨ THÙY TRANG

NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH

Trụ sở

Trường Đại học Hải Dương: Khu Đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương (xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

Điện thoại: 0220.3710.919

Fax: 0220.3861.249

Emai: tapchidaihoc.haiduong.edu@gmail.com

Giấy phép xuất bản số 353/GP-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 03/9/2013. In tại Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương.
MST: 0800010670
Điện thoại: 0220.3852.490

TRONG SỐ NÀY

1. Đổi mới phương pháp dạy và học đại học trong thời kỳ chuyển đổi số	2
2. Xác định số lượng sinh viên tối thiểu cho một lớp học dựa trên lý thuyết phân tích điểm hòa vốn	6
3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa	10
4. Bàn về cách tính lệ phí trước bạ nhà, đất	14
5. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên khối ngành Kỹ thuật Trường Đại học Hải Dương trong giai đoạn hiện nay	22
6. VirtualBox - ứng dụng phương pháp mô phỏng vào quá trình giảng dạy học phần Quản trị mạng	28
7. Ứng dụng phần mềm Crocodile giải các bài toán mạch điện	35
8. Cách thức để nhớ chữ Hán nhanh và viết chữ Hán đẹp	39
9. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Hải Dương giai đoạn hiện nay	43
10. Kỹ năng học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên	47
11. Quản lý hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	52

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC ĐẠI HỌC TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương

Tóm tắt

Chuyển đổi số trong đào tạo đại học không chỉ là quá trình thay đổi cách dạy, cách học hay chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy và học trực tuyến. Chuyển đổi số trong đào tạo đại học thực chất là đưa toàn bộ hoạt động đào tạo lên môi trường số, là sự thay đổi cách vận hành của hoạt động đào tạo. Trong phạm vi bài viết này, tác giả nêu nội dung của chuyển đổi số trong đào tạo bậc đại học và đưa ra một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy và học đại học trong thời kỳ chuyển đổi số.

Từ khóa: Dạy và học đại học, chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học thời kỳ chuyển đổi số thay đổi hoàn toàn các mục tiêu học tập, những kỹ năng mới cần phải đạt được cho sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường cũng phải thay đổi, tư duy sáng tạo, phối hợp hợp tác, phán quyết và định hướng dịch vụ cũng như ra quyết định trong những tình huống phức tạp là những kỹ năng cần thiết trong kỷ nguyên 4.0 để đáp ứng yêu cầu của một thị trường lao động mới. Sự thay đổi về công nghệ, những kỹ năng mới hình thành do yêu cầu của xã hội thời hiện đại và những xu thế giáo dục mới làm cho giáo dục đại học phải có tầm nhìn mới, khác biệt căn bản với trước đây. Học mọi lúc mọi nơi, cá nhân hóa việc học tập cũng như tự do lựa chọn học tập của người học, học tập và trải nghiệm thực tế cũng như việc gắn kết việc học tập với xã hội là những ưu điểm vượt trội trong nền giáo dục 4.0. Sự thay đổi căn bản về thị trường lao động trong thời kỳ hiện đại đã đặt ra rất nhiều thách thức cho các trường đại học, đòi hỏi các trường phải đổi mới toàn diện từ phương thức quản trị trường, đến đổi mới chương trình và phương thức tổ chức đào tạo cho phù hợp với xu thế phát triển của nền giáo dục 4.0.

Để đạt được điều đó, sự thay đổi cơ bản đầu tiên

là thay đổi về phương pháp dạy và học, thay đổi về tư tưởng của giảng viên (GV) và SV về việc phương pháp dạy và học, phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số cũng như nền giáo dục 4.0 đặt ra.

2. Nội dung

2.1. Chuyển đổi số trong đào tạo bậc đại học

Chuyển đổi số về tổng thể là quá trình thay đổi toàn diện của các cá nhân và tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất, đào tạo trên môi trường số với các công nghệ số. Các mô hình và quá trình kinh doanh số sẽ tái cấu trúc nền kinh tế nói chung và từng lĩnh vực đời sống xã hội nói riêng, trong đó có lĩnh vực đào tạo trình độ đại học. Chuyển đổi số trong đào tạo đại học không chỉ là quá trình thay đổi cách dạy, cách học hay là chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy và học trực tuyến. Chuyển đổi số trong đào tạo đại học thực chất là đưa toàn bộ hoạt động đào tạo lên môi trường số, là sự thay đổi cách vận hành của hoạt động đào tạo trên 4 nội dung trọng tâm: hoạt động giảng dạy, hoạt động học tập, hoạt động nghiên cứu và hoạt động quản lý các quá trình dạy, học và nghiên cứu.

Để có thể chuyển các hoạt động trên sang môi trường số, tức là thực hiện chuyển đổi số đào tạo đại học, đòi hỏi phải thực hiện tin học hóa, tức số

hóa các thông tin đầu vào liên quan người dạy, người học, tài liệu, nguồn lực, quy trình... Đây chính là bước chuyển đổi thông tin từ tín hiệu analog ở thế giới thực sang định dạng kỹ thuật số. Trên cơ sở hệ thống dữ liệu việc ứng dụng kỹ thuật số để liên kết, sử dụng dữ liệu số sẽ làm cho hoạt động đào tạo trở lên thuận lợi hơn, nhanh và hiệu quả hơn so với cách thức hoạt động đào tạo truyền thống, khi phải tác nghiệp với nhiều hồ sơ lưu trữ. Và khi các hoạt động diễn ra trên môi trường số sẽ gia tăng và làm giàu hơn nguồn dữ liệu về hoạt động đào tạo đại học cũng như mở ra phương cách đào tạo và quản lý hoạt động đào tạo mới.

2.2. Một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy và học đại học trong thời kỳ chuyển đổi số

2.2.1. Đối với người dạy

Dạy học dựa trên nhu cầu của người học và biết cách tổ chức để SV thực hiện những nhu cầu bản thân là cả một nghệ thuật. Điều này đòi hỏi người dạy phải thật sự tâm huyết, năng động và sáng tạo, phải thay đổi tư tưởng trong cách dạy, không chỉ là một người truyền đạt kiến thức mà còn là người chia sẻ các phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học (NCKH) và cách tích lũy, tìm tòi kiến thức; giúp người học phát huy được khả năng tự nghiên cứu, tự học của bản thân.

Thứ nhất, Thay đổi phương pháp giảng dạy: Thay đổi quan trọng nhất là GV phải thay đổi phương pháp giảng dạy từ người truyền đạt các kiến thức trở thành người giúp SV thay đổi kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo.

Thay đổi về tư duy, giúp SV có kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo là rất quan trọng, giúp SV cần làm gì, học gì và như thế nào để đạt được mục đích học tập mình đề ra. Nếu đến trường chỉ được truyền đạt kiến thức thì sách, sách điện tử, công nghệ dạy học được trang bị đầy đủ với không gian rộng hơn rất nhiều so với lớp học... cũng có thể đảm đương nhiệm vụ này.

Trong xã hội thông tin, GV giúp SV điều chỉnh định hướng về chất lượng và ý nghĩa của nguồn

thông tin, phải là nhà giáo dục chuyên nghiệp có đầu óc sáng tạo, biết phê phán, tư duy độc lập, năng lực hợp tác tích cực và hỗ trợ có hiệu quả giữa người học với những gì họ muốn biết, là người cung cấp cách hiểu mới cho người học. Sự biến đổi lớn về vai trò người dạy - truyền thụ kiến thức theo cách truyền thống sang vai trò xúc tác và điều phối, họ phải chuyển sang chức năng hướng dẫn người học.

Đồng thời người dạy cũng cần thay đổi phương pháp giảng dạy, dần dần chuyển đổi từ phương pháp đọc - chép - học thuộc lòng sang hình thức giảng dạy khác phù hợp hơn như dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, seminar, báo cáo - thảo luận, học tập lý thuyết kết hợp sinh hoạt thực tế,...

Thứ hai, Nâng cao năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ: Người dạy phải có năng lực quản lý tài nguyên mạng, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học, chuyển đổi từ các hình thức giảng dạy truyền thống sang các hình thức giảng dạy áp dụng công nghệ số hóa. Các hình thức học trực tuyến E-Learning: học thông qua các thiết bị điện tử; Mobile Learning: Học thông qua các thiết bị di động; Blended-learning: mô hình học kết hợp giữa học trên lớp và học online; học trong các môi trường mang tính tương tác cao;

Thứ ba, Bồi dưỡng năng lực chuyên môn bằng các phương pháp hiện đại, tiên tiến: Hiện nay, nhiều GV chưa tiếp cận được với các mô hình dạy học mới sẽ làm hạn chế việc rèn kỹ năng nghề cho SV. Vì thế công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV nên kết hợp các mô hình đào tạo tiên tiến 4.0, đào tạo trực tuyến, từ xa để GV vừa nâng cao trình độ chuyên môn, vừa tiếp cận các mô hình dạy học mới. Các hình thức dạy học này sẽ giúp GV bổ sung vào kiến thức nghiệp vụ, làm phong phú hơn các hình thức dạy học của mình.

Bên cạnh đó, có một số mô hình GV dạy trực tuyến đã và sẽ được ứng dụng trong đào tạo như Mô hình E-learning (đây là mô hình hệ thống quản

lý qua mạng); mô hình B-learning (mô hình dạy học kết hợp hình thức học tập trên lớp với hình thức học hợp tác qua mạng máy tính và tự học); Mô hình 4.0 là mô hình giáo dục thông minh, liên kết chủ yếu giữa các yếu tố nhà trường - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp, tạo điều kiện cho việc đổi mới, sáng tạo và năng suất lao động trong xã hội tri thức.

Thứ 4, Nâng cao năng lực NCKH: Đầu mạnh công tác NCKH, bồi dưỡng GV theo hướng nghiên cứu. Bên cạnh việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ, GV cần phải bồi dưỡng năng lực NCKH.

Thứ năm, Nâng cao trình độ ngoại ngữ: Để tiếp cận những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến do sự phát triển của CMCN 4.0 mang lại, GV cần phải nâng cao trình độ ngoại ngữ để nhập với xu hướng kết nối toàn cầu, hội nhập với giáo dục đại học thế giới. GV có thể học để nâng cao trình độ ngoại ngữ bằng nhiều biện pháp khác nhau như: học theo các chương trình đào tạo, tự học hay thông qua sách báo, phim ảnh,..

2.2.2. Đối với người học

“Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người”, đó là bốn trụ cột của giáo dục mà tổ chức UNESCO đưa ra. Giáo dục phải tạo ra những giá trị thực sự phù hợp với nhịp sống của thời đại mới, những con người có đức, có tài sẽ công hiến hết mình cho sự phát triển của xã hội.

Thời đại đòi hỏi những con người có năng lực tư duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, có khả năng làm việc độc lập và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các chứng cứ và dữ liệu. Đây cũng là những kỹ năng mà SV đang thiếu nhiều nhất. Để giải quyết vấn đề này, GD 4.0 sẽ là một trong những giải pháp hiệu quả mà GD đại học cần triển khai.

Trong nền giáo dục tương lai, người học phải biết cần cái gì, cần trang bị những hiểu biết và kỹ năng gì và sau đó tìm hiểu bản chất của nó, trái với hiện tại là có rất nhiều thứ người học bị nhòi nhét mà không biết nó thực sự có ích hay không cho

công việc tương lai. Hãy sống và học tập theo niềm đam mê của chính mình. Học tập cùng nhau, học hỏi lẫn nhau, phương pháp dạy lấy người học là trung tâm, vai trò GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn và xây dựng được một cộng đồng học tập cùng chung một ý tưởng, một khát vọng, đó là nền giáo dục 4.0. Để đạt được điều đó, người học cần phải:

Một là, Học mọi lúc, mọi nơi (đa dạng địa điểm và thời gian): SV có nhiều cơ hội học tập trong những khoảng thời gian khác nhau và ở những nơi khác nhau. Việc học tập sẽ trở nên dễ dàng và thuận tiện khi có các công cụ học tập trực tuyến hỗ trợ cho việc học tập từ xa và tự học. Các lớp học dường như sẽ bị đảo ngược so với các lớp học truyền thống hiện nay, phần lý thuyết sẽ là tự học, học trực tuyến bên ngoài lớp học, còn phần thực hành sẽ được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp trên lớp.

Hai là, Cá nhân hóa việc học tập: SV sẽ học cách thích nghi với các công cụ hỗ trợ học tập phù hợp với khả năng của mỗi cá nhân. Mỗi nhóm SV có trình độ khác nhau sẽ được thử thách bởi các nhiệm vụ có mức độ khó khăn khác nhau. SV có cơ hội thực hành nhiều hơn đối với các học phần khó cho đến khi đạt yêu cầu. SV sẽ được cung cấp kiến thức cũng như có được kinh nghiệm tích cực trong quá trình học tập độc lập của mình, họ sẽ có động lực hơn cũng như tự tin hơn về khả năng học tập của mình. Hơn nữa, giảng viên sẽ dễ dàng thấy được trình độ của từng SV để can thiệp và giúp đỡ kịp thời.

Ba là, Tự do lựa chọn: Mặc dù mỗi môn học được giảng dạy với cùng một mục đích, tuy nhiên, con đường để đạt được mục đích đó thì có thể khác nhau đối với mỗi SV. Mỗi SV đều có thể lựa chọn cho mình một chiến lược học tập của riêng mình với những công cụ học tập mà họ cảm thấy là cần thiết và phù hợp nhất với họ. SV sẽ học tập cùng với các thiết bị hỗ trợ khác nhau, các chương trình khác nhau và các công nghệ khác nhau dựa trên sở thích riêng của từng người. Học tập theo phương thức truyền thống kết hợp với học trực tuyến sẽ tạo nên

sự thay đổi quan trọng trong xu hướng học tập hiện nay. Hiện nay, chương trình học tập theo học ché tín chỉ đã đáp ứng được một phần của vấn đề này; xu hướng sắp tới người học sẽ quyết định học tập gì, cần kiến thức gì cho bản thân để vận dụng vào cuộc sống sau khi tốt nghiệp ra trường.

Bốn là, Thực hiện dự án: Nghề nghiệp trong tương lai sẽ gắn với nền kinh tế tự do, do vậy SV ngày càng phải thích nghi với việc học tập theo kiểu dự án. Điều này có nghĩa SV phải học cách áp dụng các kỹ năng trong một thời gian rất ngắn để giải quyết nhiều tình huống khác nhau. SV nên sẵn sàng làm quen với các kỹ năng dựa trên dự án trong trường đại học, đó là các kỹ năng quản lý tổ chức, kỹ năng quản lý thời gian có thể được giảng dạy như những điều cơ bản mà mọi SV có thể sử dụng trong quá trình học tập của mình.

Năm là, Trải nghiệm thực tế: Mỗi một chương trình học đều được gắn liền với một lĩnh vực ngành nghề nhất định trong xã hội, do vậy, kinh nghiệm trong từng lĩnh vực sẽ được ẩn mình trong từng chương trình, từng môn học. Trường đại học sẽ tạo nhiều cơ hội để SV có được các kỹ năng thực tế ở mỗi lĩnh vực đại diện cho chương trình học của mình. Điều này có nghĩa là chương trình sẽ tạo ra nhiều khoảng trống cho SV hoàn thiện thông qua

thực hành thực tế, tư vấn và tham gia vào các dự án hợp tác.

Sáu là, Tư vấn sẽ trở nên ngày càng quan trọng hơn. SV sẽ ngày càng độc lập hơn trong việc học tập của mình, lấy tự học là chính, GV như một người hướng dẫn và là một tâm điểm trong nguồn dữ liệu thông tin không lồ mà sinh viên sẽ phải đi qua.

3. Kết luận

Trong thời kỳ công nghệ số, mỗi tổ chức, cá nhân đều phải có nhận thức rõ ràng về sự thay đổi và tự chuẩn bị cho mình những kiến thức và kỹ năng phù hợp để dễ dàng đón nhận sự thay đổi theo xu hướng hiện đại của thế giới. Giáo dục được coi là tiên phong trong việc thay đổi để tiếp cận với sự thay đổi của cuộc CMCN 4.0. Mục tiêu đào tạo cũng phải thay đổi hướng tới đào tạo không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn là những kỹ năng phát triển và tự phát triển bản thân, người học sau khi ra trường phải có tư duy sáng tạo để dễ dàng tiếp cận với nền kỹ thuật hiện đại cũng như đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi cao của xã hội. Do đó, bước thay đổi đầu tiên và quan trọng là người dạy và người học cần thay đổi tư tưởng, thay đổi cách dạy và học phù hợp trước tác động của CMCN 4.0 và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Cúc (2017), *Tác động của cuộc CMCN 4.0 đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, Học viện Chính trị khu vực I.
2. GS. Phan Văn Trường, *Cố vấn của Chính phủ Pháp về thương mại quốc tế, ngành Giáo dục “đón đầu” cuộc Cách mạng 4.0 ra sao?* Báo điện tử baoquocte.vn, ngày 14/4/2017.
3. TS. Nguyễn Chí Trường (2018), *Cuộc CMCN 4.0: Cơ hội, thách thức và giải pháp hai tốc độ cho giáo dục nghề nghiệp*, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).
4. Phùng Xuân Nhạ, 2018, *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tập tin Văn bản của đại học Vinh, ngày 15/08/2018.
5. Minh Châu, 2017, Bản tin ĐHQG - HCM “*Giáo dục đại học trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*”, Trung tâm đảm bảo chất lượng, Trường Đại học quốc gia TP. HCM.

XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG SINH VIÊN TỐI THIỂU CHO MỘT LỚP HỌC DỰA TRÊN LÝ THUYẾT PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN

TS. NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC
Phòng Đào tạo Đại học & Sau Đại học

Đặt vấn đề:

Phân tích điểm hòa vốn (Break - Even Analysis) là phương pháp phân tích để xác định mức sản lượng, doanh thu hòa vốn. Việc phân tích điểm hòa vốn cung cấp cho nhà quản trị cách nhìn toàn diện về mối quan hệ doanh thu - chi phí - sản lượng khi điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong dịch vụ đào tạo, việc phân tích điểm hòa vốn cũng đem lại nhiều ý nghĩa cho Ban giám hiệu các trường như giúp nhà quản trị trường học trả lời được các câu hỏi: số thu từ việc mở lớp có khả năng trang trải chi phí bỏ ra cho thực hiện, duy trì lớp đó hay không? Hay cần tuyển sinh bao nhiêu sinh viên để đảm bảo tổng số thu bằng tổng số chi. Hoặc muốn có thu nhập tăng thêm thì số lượng sinh viên tối thiểu trên một lớp học phải là bao nhiêu?

1. Xác định điểm hòa vốn trong kinh doanh dịch vụ

“Điểm hòa vốn” (Break - Even Point) là thuật ngữ phổ biến, được sử dụng nhiều trong kinh doanh để phân tích, đánh giá tiềm năng phát triển của một doanh nghiệp, đơn vị. Điểm hòa vốn là điểm mà tại đó tổng doanh thu vừa đủ bù đắp tổng chi phí (Tổng doanh thu = Tổng chi phí). Hay điểm hòa vốn là điểm mà tại đó tổng lãi trên biên phí (hay phần chênh lệch giữa doanh thu và biến phí) của đơn vị tạo ra vừa đủ bù đắp tổng định phí. Nghĩa là, tại đó đơn vị không lãi và không lỗ (Lợi nhuận bằng không).

Tại điểm hòa vốn, đơn vị xác định được các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng hòa vốn. Trong đó, sản lượng hòa vốn là mức sản lượng đem lại tổng doanh thu vừa đủ để bù đắp tổng chi phí bỏ ra. Doanh thu hòa vốn là doanh thu vừa đủ bù đắp tổng chi phí.

Có thể xác định điểm hòa vốn (qua các chỉ tiêu sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn) bằng phương pháp phương trình, đồ thị hoặc bằng việc ứng dụng hàm tính trong Microsoft Excel. Trong trường hợp tính riêng cho một loại hàng hóa, dịch vụ, điểm hòa vốn theo phương pháp phương trình được xác định như sau:

$$\text{Doanh thu} \quad = \quad \frac{\text{Định phí}}{\text{Tỷ suất lãi trên biên phí}}$$

$$\text{Sản lượng} \quad = \quad \frac{\text{Định phí}}{\text{Lãi trên biên phí đơn vị}}$$

Trong đó:

Định phí: là tổng chi phí cố định doanh nghiệp phải chi ra để phục vụ kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ cần phân tích.

Lãi trên biên phí đơn vị: là số tiền chênh lệch giữa doanh thu (thường tính theo giá bán chưa thuế) và chi phí biến đổi tính trên một đơn vị sản phẩm, được xác định như sau:

Lãi trên biến phí đơn vị = Đơn giá bán - Biến phí đơn vị

Tỷ suất lãi trên biến phí đơn vị: là tỷ số giữa lãi trên biến phí và doanh thu hay giữa lãi trên biến phí đơn vị với giá bán chưa có thuế, được xác định theo công thức:

Tỷ suất lãi trên biến phí đơn vị = (Đơn giá bán - Biến phí đơn vị)/Đơn giá bán

2. Vận dụng lý thuyết phân tích “điểm hòa vốn” trong xác định số lượng sinh viên tối thiểu trên một lớp học

Trên cơ sở lý thuyết phân tích điểm hòa vốn, để xác định được số lượng sinh viên tối thiểu cho quyết định mở lớp, cán bộ phòng Kế toán - Tài chính cần tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường thực hiện những nội dung cơ bản sau:

Bước 1: Thiết lập Báo cáo phân tích điểm hòa vốn

Lập báo cáo phân tích với các chỉ tiêu kinh tế phù hợp điều kiện hoạt động của Nhà trường. Báo cáo này có thể xây dựng như tại Bảng 01.

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Bảng 01. Báo cáo phân tích điểm hòa vốn (Lớp: Công nghệ thông tin D1)

STT	Chỉ tiêu	Số tín chỉ	Đơn giá tính trên một tín chỉ	Đơn giá tính trên một SV	Số tiền (tính trên một SV trong 2 năm)
1	Doanh thu			18,510,000	37,020,000
1.1	Thu học phí	70	250,000	17,500,000	35,000,000
1.2	Thu tài liệu học tập			100,000	200,000
1.3	Thu tiền hỗ trợ thực hành, thực tập			500,000	1,000,000
1.4	Thu tiền vệ sinh môi trường			60,000	120,000
1.5	Thu tiền lệ phí gửi xe			100,000	200,000
1.6	Thu từ tiền phôi bằng			200,000	400,000
1.7	Thu khác			50,000	100,000
STT	Chỉ tiêu	Số tín chỉ	Đơn giá tính trên một tín chỉ	Đơn giá tính trên một SV	Số tiền (tính trên một SV trong 2 năm)
2	Biên phí			2,550,000	
2.1	Chi phí tuyển sinh			2,000,000	
2.2	Tiền giấy thi, giấy nháp			50,000	
2.3	Chi phí học bổng, hỗ trợ học tập			500,000	
3	Lãi trên biên phí			15,960,000	
4	Định phí				367,300,000
4.1	Tiền lương trả cho giảng viên thỉnh giảng	6	1,050,000		6,300,000
4.2	Tiền lương và các khoản trích theo lương của giảng viên cơ hưu				250,000,000
4.3	Tiền thừa giờ, ngoài giờ				30,000,000
4.4	Chi phí đào tạo cán bộ, nhân viên, giảng viên				20,000,000
4.5	Chi phí văn phòng phẩm				10,000,000
4.6	Chi phí tập huấn, hội thảo				15,000,000
4.7	Chi phí mở ngành				20,000,000
4.8	Chi phí thẩm định, đánh giá chương trình đào tạo				10,000,000
4.9	Chi phí tiền điện				2,000,000
4.10	Chi phí tiền nước				500,000
4.11	Chi phí tiền internet				500,000
4.12	Chi khác phục vụ đào tạo				3,000,000
5	Sản lượng hòa vốn				23.0
6	Doanh thu hòa vốn				425,985,150

(Nguồn: tác giả tổng hợp, đề xuất)

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Bước 2: Xác định các chỉ tiêu kinh tế liên quan

Việc xác định các chỉ tiêu này nên thực hiện trong một năm tài chính hoặc toàn khóa học và cố gắng lượng hóa tối đa cho từng sinh viên. Trường hợp, không thể ước lượng được đến từng sinh viên, bộ phận tham mưu cần lựa chọn tiêu thức phù hợp để phân bổ cho các lớp dự kiến.

- Đối với chỉ tiêu về doanh thu:

+ Doanh thu từ thu học phí: chỉ tiêu này được lấy từ quyết định mức thu học phí được UBND Tỉnh, Thành phố phê duyệt tương ứng từng thời kỳ, từng loại hình đào tạo.

+ Doanh thu từ các khoản thu khác (thu tiền tài liệu, hỗ trợ thực tập, vệ sinh môi trường...) được thực hiện trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

+ Doanh thu từ khoản thu mang tính xã hội hóa, thu dịch vụ đào tạo bồi dưỡng (học thêm tin học, ngoại ngữ, kế toán...) được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường và người học, đảm bảo thu bù chi tương ứng.

- Đối với chỉ tiêu về chi phí:

Theo mối quan hệ với số lượng sinh viên đào tạo, chi phí của Nhà trường được phân chia thành ba loại:

+ Chi phí biến đổi: là các khoản chi phí có tổng số thay đổi khi số lượng sinh viên đào tạo thay đổi.

Chi phí đồ dùng, dụng cụ dùng học tập; tiền giấy thi, giấy nháp; chi phí học bổng, hỗ trợ học tập...

+ Chi phí cố định: là các khoản chi phí có tổng số không thay đổi khi số lượng sinh viên đào tạo thay đổi. Tiền lương và các khoản trích theo lương của giảng viên theo ngạch, bậc; Tiền lương và các khoản trích theo lương trả cho cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ hoạt động đào tạo; Chi phí khấu hao thiết bị giảng dạy, khấu hao phòng học, phòng máy; Chi phí dụng cụ văn phòng, chi phí đào tạo cán bộ, nhân viên, giảng viên; Chi phí tập huấn, hội thảo (Trong điều kiện các chi phí được xem xét trong một giới hạn mức độ hoạt động).

- Chi phí hỗn hợp: chi phí tiền điện, tiền nước, internet phục vụ hoạt động dịch vụ. Các chi phí này có thể sử dụng phương pháp cực đại, cực tiểu để tách thành biến phí và định phí.

Các khoản chi phí phát sinh được phòng Kế toán

- Tài chính tập hợp chính xác nhất có thể nhằm có kết luận tối ưu trong kết quả phân tích.

Bước 3. Tính toán, xác định các chỉ tiêu hòa vốn

$$\frac{\text{Lượng sinh viên đào tạo để}}{\text{hòa vốn}} = \frac{\text{Định phí}}{\text{Lãi trên biến phí/1 sinh viên}}$$

Chẳng hạn, với số liệu về doanh thu, chi phí của trường Đại học Hải Dương ở mức sau (Bảng 02).

Bảng 02. Danh mục các khoản thu chi

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu học phí	250.000 đồng/tín chỉ/sinh viên
2	Thu tiền tài liệu học tập	100.000 đồng/năm/sinh viên
3	Thu tiền hỗ trợ thực hành, thực tập	500.000 đồng/năm/sinh viên
4	Thu tiền vệ sinh môi trường	60.000 đồng/năm/sinh viên
5	Thu tiền lệ phí gửi xe	100.000 đồng/năm/sinh viên
6	Thu từ tiền phôi bằng	200.000 đồng/khóa/sinh viên
7	Thu khác	50.000 đồng/khóa/sinh viên
8	Chi phí tuyển sinh	2.000.000 đồng/khóa/sinh viên
9	Tiền giấy thi, giấy nháp	50.000 đồng/kỳ/sinh viên
10	Chi phí học bổng, hỗ trợ học tập	500.000 đồng/kỳ/sinh viên

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

11	Tiền lương và các khoản trích theo lương của giảng viên cơ hữu (đã phân bổ)	250.000.000 đồng
12	Tiền lương trả cho giảng viên thỉnh giảng	1.050.000 đồng/tín chỉ/giảng viên
13	Tiền thừa giờ, ngoài giờ (đã phân bổ)	30.000.000 đồng
14	Chi phí đào tạo cán bộ, nhân viên, giảng viên	20.000.000 đồng
15	Chi phí văn phòng phẩm	10.000.000 đồng
16	Chi phí tập huấn, hội thảo	15.000.000 đồng
17	Chi phí mở ngành	20.000.000 đồng
18	Chi phí thẩm định, đánh giá chương trình đào tạo	10.000.000 đồng
19	Chi phí tiền điện	2.000.000 đồng
20	Chi phí tiền nước	500.000 đồng
21	Chi phí tiền internet	500.000 đồng
22	Chi khác phục vụ đào tạo	3.000.000 đồng

(Nguồn: tác giả tổng hợp, ước tính)

Với mục tiêu mở một lớp liên thông đại học với thời gian đào tạo trung bình là 2 năm (học khoảng 70 tín chỉ), thuê thỉnh giảng 6 tín chỉ thì việc xác định điểm hòa vốn của Trường được tiến hành như sau:

- Xác định số thu trên mỗi sinh viên (SV): trong Bảng 02, số thu gồm các mục từ 1 đến 7, có giá trị bằng: 18.510.000 đồng.

- Xác định biến phí: Biến phí là các chi phí biến đổi theo số lượng người học, trong Bảng 02, biến phí gồm các mục 8, 9, 10 có giá trị bằng: 2.550.000 đồng.

- Xác định tổng định phí: Định phí là các chi phí không biến đổi theo số lượng người học, gồm các mục từ 11 đến 22, có giá trị bằng: 367.300.000 đồng.

- Xác định Lãi trên biến phí/1 sinh viên: $18.510.000 - 2.550.000 = 2.550.000$ đồng.

$$\text{Lượng sinh viên đào tạo} = \frac{367.300.000}{2.550.000} = 23 \text{ người}$$

Việc xác định này cũng có thể được lập thành

báo cáo như tại Bảng 01 với các chỉ tiêu phân tích là các chỉ tiêu đã thống kê tại Bảng 01.

Ngoài ra Nhà trường cũng có thể xác định được quy mô đào tạo/lớp để đạt mức chênh lệch thu chi kỳ vọng:

$$\text{Lượng sinh viên đào tạo đạt mức} = \frac{\text{Định phí} + \text{Chênh lệch thu chi kỳ vọng}}{\text{Lãi trên biến phí/1 sinh viên}}$$

Bước 4. Phân tích, kết luận

Để đảm bảo duy trì ở mức độ cân bằng, nhà trường cần tuyển sinh và đào tạo 23 sinh viên/lớp. Dưới mức này Nhà trường có thể rơi vào trạng thái mất cân đối thu chi hay dự án mở lớp liên thông đại học trên cần tiếp tục được cân nhắc.

Trong bối cảnh số thu không thay đổi hoặc thay đổi không đáng kể, việc tuyển sinh là khó khăn, Nhà trường cần có các giải pháp phù hợp để tiết kiệm chi phí để đảm bảo đủ nguồn kinh phí cho hoạt động □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Quang (2014), *Kế toán quản trị*, NXB Đại học KTQD, Hà Nội;
2. Nguyễn Ngọc Huyền, *Tính chi phí kinh doanh*, NXB Đại học KTQD, 2011.
3. Tài liệu từ phòng Đào tạo Đại học & Sau Đại học, phòng Tài chính - Kế toán của Trường Đại học Hải Dương.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

TS. BÙI PHƯƠNG THANH

Giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính

Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống kế toán của Việt Nam cũng đổi mới, hoàn thiện và cải tiến không ngừng. Đánh dấu sự thay đổi đó là sự ra đời của Luật Kế toán của Việt Nam, chuẩn mực kế toán, đến nay đã có 26 chuẩn mực kế toán và nhiều văn bản hướng dẫn chế độ kế toán trong doanh nghiệp, đáp ứng những yêu cầu hạch toán cơ bản của các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, từ ban hành chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán đến vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán này như thế nào là cả một quá trình và luôn gặp nhiều rào cản do các đặc trưng về kinh tế, hệ thống pháp lý, năng lực và thói quen của kế toán viên. Như vậy, có thể thấy việc áp dụng chế độ kế toán ở mỗi doanh nghiệp bị chi phối bởi nhiều nhân tố chủ quan và khách quan. Vì vậy, việc đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa là một vấn đề có tính cần thiết.

1. Nguyên nhân doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn khi áp dụng chế độ kế toán

Thứ nhất, việc sửa đổi, bổ sung các chính sách liên quan đến chế độ kế toán, chính sách thuế của Nhà nước cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc hiểu biết, vận dụng các quy định. Kết quả là có quá nhiều quy định nhưng thực tế doanh nghiệp không nắm rõ hoặc rất mơ hồ và dẫn đến việc vận dụng không đúng hoặc không đầy đủ.

Thứ hai, chưa phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên kế toán, việc quản trị doanh nghiệp mang tính chất mệnh lệnh, gia đình đã không thúc đẩy sự công hiến, gắn bó của họ trong công việc. Bên cạnh đó, trình độ nhân viên kế toán còn hạn chế chưa đủ khả năng phân tích để tham mưu cho lãnh đạo thông qua những số liệu trong báo cáo kế toán, chỉ đơn thuần ghi chép, xử lý số liệu về mặt toán học, hơn nữa việc áp dụng chế độ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu phục vụ cho công tác kê khai tính thuế của doanh nghiệp, không phục vụ cho công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các

nha quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba, mục tiêu tổ chức áp dụng chế độ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa xác định đầy đủ, một số doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoạt động mang tính gia đình, mục tiêu công tác kế toán ở đơn vị chỉ đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý Nhà nước cụ thể là cơ quan quản lý thuế. Vì vậy, việc tổ chức áp dụng chế độ kế toán chủ yếu đáp ứng yêu cầu của báo cáo tài chính ở mức đơn giản, không dựa vào số liệu báo cáo tài chính để phân tích tình hình hoạt động kinh doanh mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm để điều hành, quản lý doanh nghiệp. Do vậy việc áp dụng chế độ kế toán chịu ảnh hưởng rất lớn từ chính sách thuế, thực tế các doanh nghiệp căn cứ vào các quy định của chính sách thuế để vận dụng cho công tác kế toán, kết quả là có sự giống nhau giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận thuế. Vì vậy, kết quả của việc áp dụng chế độ kế toán không phản ánh toàn bộ tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư, do báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa không bắt buộc kiểm toán nên

mức độ áp dụng các quy định của chế độ kế toán không được coi trọng. Bên cạnh đó, do có sự thay đổi trong công tác quản lý thuế theo đó doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu kế toán của đơn vị, cơ quan quản lý thuế trực tiếp không kiểm tra thường xuyên doanh nghiệp.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.1. Tiết kiệm chi phí áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp

Chi phí vật chất và phi vật chất của doanh nghiệp và cá nhân có ảnh hưởng đến việc áp dụng chế độ kế toán do vậy cần có giải pháp để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa giảm thiểu các chi phí trong việc áp dụng chế độ kế toán.

Thứ nhất, để hạn chế việc lưu trữ sổ kế toán, tiết kiệm chi phí, Bộ Tài chính nên bỏ quy định in sổ kế toán từ máy vi tính ra để ký duyệt, việc lưu trữ bằng file được hỗ trợ từ các thiết bị lưu trữ hiện đại vừa tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, vừa thuận tiện cho công tác kiểm tra của cơ quan quản lý thuế được nhanh chóng. Đồng thời có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp trang bị máy vi tính, phần mềm để ghi sổ kế toán nhằm đẩy mạnh quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán để tinh gọn công tác kế toán và tiết kiệm chi phí.

Thứ hai, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nhỏ về vốn, về cơ sở vật chất kỹ thuật, các hoạt động kinh tế tài chính phát sinh không nhiều, đối tượng cung cấp thông tin kế toán trong phạm vi hẹp, yêu cầu kiểm toán báo cáo tài chính chưa được quy định. Việc quản trị doanh nghiệp mang tính chất mệnh lệnh, nhân viên kế toán đã được đào tạo nhưng chưa chuyên sâu. Do đó, để tiết kiệm chi phí trong công tác kế toán phù hợp với tình hình thực tế và khắc phục những hạn chế của tổ chức công tác kế toán đang tồn tại, doanh nghiệp có thể áp dụng mô hình thu đúc vụ kế toán để thực hiện toàn bộ công việc kế toán.

Thứ ba, cần thiết phải tách biệt kế toán doanh

nghiệp và kế toán thuế, nhằm hoàn thiện chính sách thuế để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng giảm tần suất kê khai thuế cụ thể:

Nhận thức của chủ doanh nghiệp và kế toán viên chi phí tuân thủ tỷ lệ thuận với thời gian kê khai nộp thuế, vì vậy giảm tần suất kê khai nộp thuế sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hiện nay, theo qui định doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng một tháng một lần và tính tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp một quý một lần. Do vậy để tiết kiệm chi phí kê khai thuế cho doanh nghiệp cần phân loại đối tượng để giảm tần suất kê khai nộp thuế, tác giả đề xuất:

- Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ sẽ chỉ phải kê khai thuế 1 lần/năm.
- Đối với các doanh nghiệp nhỏ sẽ kê khai thuế 2 lần/năm.
- Đối với các doanh nghiệp vừa sẽ kê khai thuế 4 lần/năm.

2.2. Nâng cao sự hiểu biết của chủ doanh nghiệp và kế toán viên về chế độ kế toán

Thứ nhất, chủ doanh nghiệp cần xác định mục tiêu kinh doanh ổn định, phát triển và uy tín thương hiệu của doanh nghiệp là trên hết. Quan điểm này sẽ tác động đến việc chấp hành đúng các quy định về chế độ kế toán, từ đó sẽ có sự chỉ đạo bộ phận kế toán của doanh nghiệp thực hiện chính xác, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và luôn chấp hành các quy định của Nhà nước. Cùng với việc giao quyền quản lý công tác kế toán cho kế toán trưởng, chủ doanh nghiệp cần phải cập nhật các quy định của Nhà nước về công tác kế toán, chính sách thuế, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, tài chính để trang bị kiến thức về kế toán cho giám đốc. Điều này thực sự cần thiết giúp chủ doanh nghiệp điều hành quản lý doanh nghiệp minh mẫn trên nền tảng khoa học thông qua việc hiểu rõ quy trình vận hành của hệ thống kế toán tại doanh nghiệp.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc chấp hành các quy định trong việc áp dụng chế độ

kế toán. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp sâu sát hơn trong việc đưa các quy định mới đến doanh nghiệp, như gửi email các thông tư, văn bản mới đến từng doanh nghiệp để doanh nghiệp cập nhật kịp thời; định kỳ (6 tháng, 1 năm) tổ chức gặp gỡ giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp, để phổ biến các chính sách, quy định mới hoặc hệ thống lại các quy định cũ, hơn nữa để lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp. Qua đó, có các biện pháp tháo gỡ kịp thời những vướng mắc của doanh nghiệp trong việc áp dụng chế độ kế toán.

Thứ ba, doanh nghiệp cần tạo điều kiện để nhân viên kế toán thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về chế độ kế toán để áp dụng trong tác nghiệp một cách chuẩn xác, tuân thủ striet để các yêu cầu bắt buộc của chế độ kế toán, theo các hướng:

- Lập bảng mô tả công việc cho từng nhân viên kế toán, mục đích để thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, tránh sự chồng chéo công việc, thuận tiện trong công tác điều hành quản lý, đặc biệt trong việc quy trách nhiệm khi xảy ra sai sót. Kế toán trưởng lập bảng mô tả công việc bằng văn bản, trình bày cụ thể ai phải làm những công việc gì, thời gian bắt đầu, kết thúc và công bố công khai để mọi người dễ thực hiện. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện để có những điều chỉnh kịp thời, đảm bảo sự phân công đúng, người đúng việc nhằm phát huy tối đa năng lực, tăng khả năng sáng tạo trong công việc của từng nhân viên kế toán.

- Kế toán trưởng phân công một nhân viên kế toán thường xuyên cập nhật các quy định mới của Nhà nước về kế toán, chính sách thuế. Khi có các chính sách mới kế toán trưởng nghiên cứu, triển khai với các nhân viên kế toán và tiến hành vận dụng phù hợp trong tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp. Công việc làm này vừa giúp cho doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của Nhà nước vừa bổ sung kiến thức pháp lý cho nhân viên kế toán. Làm tốt công tác đó thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ hạn chế được các sai sót như hiện nay

là không nắm bắt kịp các quy định hiện hành của Nhà nước dẫn đến việc thực hiện sai, hơn nữa việc thực hiện này không tốkém.

- Cần có chính sách đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên kế toán, cụ thể là hàng năm cử nhân viên kế toán tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ kế toán, chính sách thuế để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Toàn bộ kinh phí do doanh nghiệp chi để thấy được sự quan tâm nâng cao trình độ của nhân viên kế toán là ưu tiên hàng đầu cho mục tiêu phát triển doanh nghiệp, qua đó tạo sự gắn bó lâu dài và nâng cao trách nhiệm trong công việc của từng nhân viên kế toán.

Thứ tư, do báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa không bắt buộc phải được kiểm toán, vì vậy cơ quan quản lý thuế trực tiếp nên tiến hành kiểm tra việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp thường niên. Đây không phải là công việc quyết toán thuế như hiện nay mà chủ yếu tập trung việc kiểm tra sự tuân thủ chấp hành các quy định về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính... Từ đó, có những xử lý kịp thời vừa hạn chế thất thoát ngân sách Nhà nước vừa giúp các doanh nghiệp có những điều chỉnh kịp thời khi có sự vận dụng sai các quy định của Nhà nước. Sự kiểm tra thường niên này sẽ tác động vào ý thức chấp hành quy định trong điều hành công việc kế toán ở doanh nghiệp đối với chủ doanh nghiệp và các kế toán viên trong bộ phận kế toán của doanh nghiệp, khi hiện nay ý thức chấp hành pháp luật về kinh tế tài chính của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế.

2.3. Nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lợi ích của doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn đến việc áp dụng chế độ kế toán do vậy các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần lưu ý một số vấn đề sau để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Thứ nhất, đối với nhà đầu tư là người chịu thiệt

hại trực tiếp nếu như báo cáo tài chính phản ánh thông tin kế toán tài chính không trung thực. Do vậy, nhà đầu tư cần có những giải pháp để tự bảo vệ lợi ích từ những thiệt hại do thông tin kế toán kém chất lượng mang lại. Hơn nữa thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về chế độ kế toán và ước tính kế toán được doanh nghiệp áp dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, còn khá nhiều nhà đầu tư bỏ qua nguồn thông tin này do thuyết minh sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên ngành gây khó khăn cho các nhà đầu tư không có kiến thức về kế toán. Do vậy, các nhà đầu tư cần tự trang bị những kiến thức liên quan đến việc đọc và hiểu báo cáo tài chính, đặc biệt cần chú trọng hơn các thông tin kế toán được trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính. Qua đó sẽ góp phần làm cho thị trường vốn hoạt động có hiệu quả. Trong dài hạn, sẽ đào thải những doanh nghiệp không trung thực trong việc công bố thông tin kế toán, qua đó chất lượng báo cáo tài chính sẽ được đảm bảo.

Thứ hai, đối với ngân hàng cần chú trọng tham khảo các nguồn thông tin ngoài báo cáo tài chính

của doanh nghiệp trong quá trình thẩm định hồ sơ tín dụng. Kết quả thảo luận cho thấy mức vay nợ có tác động đến việc lựa chọn chế độ kế toán của doanh nghiệp, có nghĩa là với những doanh nghiệp vay nợ càng nhiều, chế độ kế toán sẽ được lựa chọn phù hợp để mức lợi nhuận được ghi nhận cao. Như vậy, để hạn chế rủi ro cho vay, trong quá trình thẩm định hồ sơ tín dụng, ngân hàng không nên chỉ xem xét mức lợi nhuận công bố hay dựa quá nhiều vào các thông tin tài chính của doanh nghiệp để ra quyết định, mà nên tham khảo thêm những thông tin khác về tính khả thi của các phương án kinh doanh hoặc uy tín tín dụng của doanh nghiệp. Đồng thời, ngân hàng cũng cần lưu ý đến việc thực hiện đầy đủ các thủ tục về thẩm định và giám sát tài sản đảm bảo để khi có rủi ro xảy ra. Việc ngân hàng không quá dựa vào các thông tin kế toán trên báo cáo tài chính để ra quyết định cho vay một mặt làm giảm rủi ro cho ngân hàng, mặt khác góp phần làm giảm động cơ điều chỉnh tăng lợi nhuận của doanh nghiệp qua đó, thông tin kế toán trên báo cáo tài chính sẽ được trình bày trung thực hơn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Khôi Nguyên (2010), “*Bàn về mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5 (40) 2010, tr225-233;
2. Phạm Xuân Hoà, Nguyễn Thị Kim Dung (2013), “*Vai trò của chính sách thuế trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*”, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số đặc biệt tháng 3/2013, tr17-23;
3. Gray, S. J.(1988), “*Towards a theory of cultural influence on the development of accounting systems internationally*”, Abacus, 24(1), 1988, 1 - 15;
4. Hugh, A. và D. Linh. (2003), *Vietnamese accounting standards*, ACW, Hanoi, Vietnam;
5. Meek, G. K., Roberts, C. B., & Gray, S. J. (1995), 'Factors influencing voluntary annual report disclosures by U.S., U.K. and Continental European multi-national corporations', Journal of International Business Studies, 26 , pp. 555-572;
6. Colin.R. Dey, John R. Grinyer, C.Donald Sinclair and Hana El-Habashy. (2007), “*Determinants of Accounting Choices in Egypt*”, The Journal of Applied Accounting Research, Vol. 8, pp. 48-92;

Bàn về cách tính LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

THS. PHẠM THỊ AN
Trung tâm Kế toán - Tài chính

ĐẶT VĂN ĐỀ

Ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ của Nhà nước, giúp Nhà nước thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước. Nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước là từ thuế, phí, lệ phí. Trong đó, Thuế tạo nguồn thu chủ yếu, quan trọng (chiếm trên 90%) cho ngân sách Nhà nước, điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý và định hướng phát triển kinh tế, đảm bảo sự bình đẳng giữa những chủ thể kinh doanh và công bằng xã hội. Việc thu phí là nhằm bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ công ngoài khoản mà ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ trực tiếp. Còn lệ phí là khoản thu vừa mang tính chất phục vụ (thực hiện thủ tục hành chính) cho đối tượng nộp, vừa mang tính chất động viên sự đóng góp cho ngân sách Nhà nước, chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý Nhà nước, đảm bảo quyền lợi về mặt hành chính pháp lý cho người nộp. Hiện nay theo quy định hiện hành có các loại lệ phí sau: lệ phí công chứng, lệ phí trước bạ... Trong đó, lệ phí trước bạ là một khoản lệ phí mà người sở hữu tài sản cố định như: ô tô, xe mô tô, nhà đất, súng săn... phải kê khai và nộp cho cơ quan thuế trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Từ khóa: lệ phí trước bạ nhà, đất.

Để thực hiện tốt công tác quản lý thu phí, lệ phí, lệ phí trước bạ trước hết phải căn cứ vào các văn bản quy định, thông tư hướng dẫn sau:

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;
- Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy;
- Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ

sung một số điều của thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

- Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

Căn cứ Nghị định và thông tư hướng dẫn thì đối tượng chịu lệ phí trước bạ bao gồm:

1. Nhà, đất.
2. Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.
3. Tàu thủy, kể cả xà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đầy.
4. Thuyền, kể cả du thuyền.
5. Tàu bay.
6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển

số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

8. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên tác giả xin được tập trung vào vấn đề lệ phí trước bạ nhà, đất.

NỘI DUNG

1. Mô tả tình huống

Ông Nguyễn Văn An sở hữu một ngôi nhà 5 tầng ở phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương với số liệu như sau:

- Diện tích đất: 100m²
- Diện tích sàn nhà: 500m²
- Nguồn gốc nhà: nhà tự xây
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 469242; số vào sổ cấp GCN: CH 00179 được cấp ngày 28/11/2001.

- Địa chỉ: Số nhà 21, Đại lộ Hồ Chí Minh.

Ngày 10/2/2019 ông Nguyễn Văn An bán ngôi nhà trên cho bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng mua bán nhà được công chứng số 1, tỉnh Hải Dương, giá chuyển nhượng hai bên thoả thuận: 3,5 tỷ đồng.

Thông tin bà Phạm Thị Hà:

- MST 8153926628
- Địa chỉ: số nhà 36, ngõ 83, đường Phạm Văn Đồng, Phường Thanh Bình, TP Hải Dương.
- Số điện thoại: 0968061013
- Email: uhdhapham.edu@gmail.com

2. Mục tiêu xử lý tình huống

Tình huống trên liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, nhà ở của cá nhân.

Trong thực tế, một tài sản thường thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của một cá nhân hay một tổ chức nào đó. Các tài sản cũng thường có sự dịch chuyển về quyền sở hữu hoặc sử dụng giữa cá nhân, tổ chức dưới các hình thức mua, bán, chuyển nhượng, đổi, chia, cho tặng, thừa kế.

Để tránh xảy ra tranh chấp, khiếu nại về quyền sở hữu, sử dụng tài sản, Nhà nước cần đảm bảo về mặt pháp lý quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản hợp pháp của chủ sở hữu, sử dụng tài sản đó. Việc xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản được ghi vào sổ theo dõi của cơ quan quản lý nhà nước gọi là Trước bạ. Mỗi lần trước bạ, người chủ tài sản đó phải nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một khoản tiền gọi là Lệ phí trước bạ.

Lệ phí trước bạ là khoản thu do nhà nước quy định thu trước khi Tổ chức, Cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ghi vào sổ sách công nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó.

Như vậy, lệ phí trước bạ mang tính chất gần như một loại thuế (thuế tài sản), vừa mang tính chất như là một loại lệ phí. Thông qua việc xác định mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%) trên giá trị tài sản, Nhà nước thực hiện điều tiết một phần thu nhập của người chủ tài sản vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp trên khi chuyển nhượng nhà ở, đất ở, cá nhân bà Phạm Thị Hà phải nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất để đăng ký quyền sở hữu ngôi nhà đó.

Để xử lý tình huống này phải thực hiện một số mục tiêu sau:

- Xác định diện tích đất, sàn nhà chịu lệ phí trước bạ;
- Xác định cấp nhà, hạng nhà;
- Xác định giá 1m² nhà thực tế chuyển nhượng và giá nhà tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm trước bạ.
- Xác định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ.

- Xác định công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá tính} \\ \text{lệ phí} \\ \text{trước bạ} \\ \text{đối với} \\ \text{đất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Diện tích} \\ \text{đất chịu} \\ \text{lệ phí} \\ \text{trước bạ} \\ \text{(m}^2\text{)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá một mét} \\ \text{vuông đất} \\ \text{(đồng/m}^2\text{) tại} \\ \text{bảng giá đất do} \\ \text{UBND cấp Tỉnh} \\ \text{ban hành} \end{array}$$

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

$$\text{Giá tính}\text{ lẻ phí trước bạ} = \frac{\text{Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ}}{(m^2)} \times \frac{\text{Giá một mét vuông}}{(\text{đồng}/\text{m}^2)} \times \frac{\text{Tỷ lệ} (\%)}{\text{chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ}}$$

Mục đích cuối cùng khi xử lý tình huống này là tính ra được số tiền lẻ phí trước bạ phải nộp cho ngôi nhà trên, làm căn cứ để người nộp thuế thực hiện. Tuy nhiên, để xác định lẻ phí trước bạ đảm bảo được tính hợp lý và hài hoà lợi ích giữa các bên không phải là vấn đề đơn giản. Thực tế hiện nay vẫn cần phải xem xét một vài căn cứ khi tính lẻ phí trước bạ.

3. Phân tích nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân của tình huống ở trên: theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành về lẻ phí trước bạ thì tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lẻ phí trước bạ phải có nghĩa vụ nộp lẻ phí trước bạ. Một trong những đối tượng chịu lẻ phí trước bạ là nhà, đất. Như vậy, tình huống trên liên quan đến đăng ký quyền sở hữu nhà, đất nên liên quan đến nghĩa vụ nộp lẻ phí trước bạ.

Hậu quả: theo như tình huống trên, giá chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng giữa 2 bên là 3,5 tỷ đồng; trong khi đó giá đất tính lẻ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm trước bạ của mảnh đất này là 3,6 tỷ đồng. Như vậy khi tính lẻ phí trước bạ phải tính theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Nếu tình huống trên không được xử lý đúng theo quy định sẽ có thể gây ra thất thu cho Ngân sách nhà nước, gây tâm lý trốn thuế cho người dân.

4. Xây dựng phương án giải quyết vấn đề

Để giải quyết tình huống này thực hiện phương án giải quyết như sau:

4.1. Lập tờ khai lẻ phí trước bạ

Chủ sử dụng đất (Bà Phạm Thị Hà) phải lập tờ khai lẻ phí trước bạ nhà, đất: ghi rõ các thông tin trong tờ khai, cụ thể như sau:

- Đất:

+ Địa chỉ thửa đất: ghi rõ địa chỉ thửa đất thuộc: tổ (đội), thôn (xóm), quận (huyện), tỉnh (thành phố).

+ Vị trí: nêu vị trí là đất mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm.

+ Mục đích sử dụng đất: đất nông nghiệp (đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp) hay đất phi nông nghiệp (đất ở, đất chuyên dụng...)

+ Diện tích đất chịu lẻ phí trước bạ là toàn bộ diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Nguồn gốc nhà đất là: nêu rõ đất được Nhà nước giao, cho thuê hay đất nhận chuyển nhượng, nhận thửa kề hoặc nhận tặng, cho.

+ Giá trị đất thực tế chuyển giao: ghi theo giá trên hợp đồng chuyển nhượng.

- Nhà:

+ Cấp nhà, hạng nhà: do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm trước bạ.

+ Diện tích nhà chịu lẻ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) của nhà chịu lẻ phí trước bạ.

+ Nguồn gốc nhà: nêu rõ là nhà tự xây dựng hay nhà mua, thửa kề, cho tặng...

+ Giá trị nhà, đất (gọi chung là giá trị nhà trước bạ) là giá trị nhà thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm trước bạ. Trường hợp không xác định được giá trị thực tế chuyển nhượng hoặc kê khai giá trị thực tế chuyển nhượng thấp hơn giá trị thị trường thì áp dụng giá nhà tính lẻ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm trước bạ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Phạm Thị Hà

[05] Mã số thuế: 8153926628

[06] Địa chỉ: Số nhà 36 Ngõ 83 Phường Phạm Văn Đồng, Phường Thanh Bình, TP.Hải Dương

[07] Quận/huyện: Phường Thanh Bình [08] Tỉnh/Thành phố: Hải Dương

[09] Điện thoại: 0968061013 [10] Fax:[11] Email: uhdhavu.edu@gmail.com

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:[18] Fax:[19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:Ngày:

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1 Địa chỉ thửa đất: Số 21 Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): Mặt tiền đường phố

1.3. Mục đích sử dụng đất: Đất ở

1.4. Diện tích (m²): 100 m²

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho); đất nhận chuyển nhượng

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ: Nguyễn Văn An

Địa chỉ người giao QSDĐ: Số 21 Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Phạm Ngũ Lão, TP.Hải Dương

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày 10 tháng 02 năm 2019

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): 3.500.000.000 đồng

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: Cấp IV

Loại nhà: Nhà kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực

2.2. Diện tích nhà (m² sàn xây dựng): 500 m²

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): 2001

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm là

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng): 3.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Hải Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phạm Thị Hà

4.2. Lập thông báo lệ phí trước bạ nhà đất

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng lập tại Văn phòng công chứng số 1, căn cứ tờ khai lệ phí trước bạ của bên nhận chuyển nhượng (Bà Phạm Thị Hà), căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến có xác định đầy đủ các chỉ tiêu như: Số thửa đất, loại đất, loại nhóm đường, vị trí đất, mục đích sử dụng đất, diện tích đất để xác định nghĩa vụ tài chính, loại nhà, diện tích sàn xây dựng, năm hoàn thành. Cán bộ thuế tiến hành kiểm tra hồ sơ, tính, ra thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất.

CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG
CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Số:100/TB-CCT

THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 56 ngày 10 tháng 02 năm 2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hải Dương, Chi cục Thuế thành phố Hải Dương thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1.Tên chủ tài sản: Nguyễn Văn An

Lập thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất theo văn bản quy định hiện hành, bao gồm việc xác định một số nội dung sau:

- Xác định loại đất;
- Xác định cấp nhà, hạng nhà;
- Xác định diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ;
- Xác định đơn giá 1m² sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ;
- Xác định số tiền lệ phí trước bạ phải nộp do cơ quan thuế tính.

5. Tổ chức thực hiện phương án

Cán bộ thuế lập và ra thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất cho bà Phạm Thị Hà. Chi tiết Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất như sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2019

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

2. Mã số thuế (nếu có): 8153926756
3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB: Số 45 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương
4. Đại lý thuế (nếu có):
5. Mã số thuế:
6. Địa chỉ:

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số: 290 Tờ bản đồ số: 17

Số nhà: Số 21 Đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương

2. Loại đất: Đất ở tại đô thị

3. Loại đường/khu vực: Loại I - Nhóm A

4. Vị trí (1, 2, 3, 4...): 01

5. Cấp nhà: Cấp IV Loại nhà: Nhà kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực

6. Hạng nhà: Hạng A

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà: 35%

8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m^2):

8.1. Đất: 100 m^2

8.2. Nhà (m^2 sàn nhà): 500 m^2

9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/ m^2):

9.1. Đất: 36.000.000 đồng/ m^2

9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới): 3.670.000 đồng/ m^2

III. LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH:

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ: 4.242.250.000 đồng

1.1. Đất (8.1×9.1): 3.600.000.000 đồng

1.2. Nhà ($7 \times 8.2 \times 9.2$): 642.250.000 đồng

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): 21.211.250 đồng

(Viết bằng chữ: *Hai mươi một triệu, hai trăm mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*)

Nộp theo chương loại khoản hạng mục tiểu mục

3. Địa điểm nộp: Kho bạc Nhà nước Thành phố Hải Dương

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày 10 tháng 03 năm 2019. Quá 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan thuế mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

5. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: ./.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Chi cục Thuế Thành phố Hải Dương theo số điện thoại: 0912815222 địa chỉ: 191 Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, TP. Hải Dương.

Chi cục Thuế Thành phố Hải Dương thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

*Hải Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2019
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

IV. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:
2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):.....
(Viết bằng chữ:.....)

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

6. Kiến nghị, đề xuất

Như vậy để xử lý tình huống trên, cán bộ cơ quan thuế đã phải bám sát vào các quy định của các văn bản về lệ phí trước bạ hiện hành. Trong tình huống này, cán bộ thuế phải xác định loại đất chịu lệ phí trước bạ, hạng nhà chịu lệ phí trước bạ, diện tích đất chịu lệ phí trước bạ, diện tích sàn nhà chịu lệ phí trước bạ. Ngoài ra, trong tình huống này giá bán đất theo hợp đồng chuyên nhượng giữa 2 bên là 3.500.000.000 đồng thấp hơn giá đất loại này do Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định là 36.000.000đồng/1m² (giá mảnh đất này là 36.000.000 đồng/1m² * 100m² = 3.600.000.000 đồng). Do vậy, khi xác định lệ phí trước bạ phải nộp phải dựa vào giá đất do Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định.

Xét về lệ phí trước bạ nhà, cán bộ thuế đã xác định chất lượng % còn lại của ngôi nhà theo khung quy định phụ thuộc vào thời gian đã sử dụng nhà. Trong tình huống này, thời gian sử dụng nhà là 16 năm, đối với nhà cấp 4 thì % chất lượng còn lại là 35%. Tuy nhiên việc xác định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà theo khung như trên chưa thực sự chính xác theo tình trạng hao mòn thực tế của ngôi nhà.

Vì vậy, để đảm bảo tính hợp lý trong việc xác định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà thì phía cơ quan Nhà nước nên xem xét lại khung quy định về việc tính % này, giúp cho việc xác định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà sát với thực tế hơn.

Bên cạnh đó, để tính lệ phí trước bạ nhà, đất cán bộ thuế phải căn cứ vào phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến để lấy thông tin. Do đó, nếu cán bộ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất phản ánh thông tin trên phiếu không đúng với thực tế thì toàn bộ thông tin sai lệch này cũng vẫn được cán bộ thuế sử dụng để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ nhà, đất với lý do là cán bộ thuế chỉ có trách nhiệm tính lệ phí trước bạ nhà, đất dựa trên hồ sơ đã được thẩm định của bên Văn phòng chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, trách nhiệm của cán bộ thẩm định hồ sơ về nhà, đất của Văn phòng chứng nhận quyền sử dụng đất là hết sức quan trọng.

Mặt khác, trên thực tế cũng đã xảy ra một số sai sót khi người nộp lệ phí trước bạ nhà, đất kê khai thông tin trên tờ khai chưa đầy đủ, ví dụ như chỉ kê khai thông tin phần đất không kê khai thông tin phần nhà phần nhà hoặc chỉ kê khai thông tin phần nhà không kê khai thông tin phần đất, nếu cán bộ thuế

không kiểm tra kỹ thông tin kê khai của người nộp thuế thì sẽ dẫn đến việc tính và phản ánh lệ phí trước bạ nhà, đất không đầy đủ.

Tóm lại, thực hiện việc tính, ra thông báo nộp lệ phí trước bạ của cán bộ thuế để đảm bảo tính đúng đắn và hợp lý ngoài việc phải căn cứ vào các quy định của văn bản quy phạm pháp luật, còn phải căn cứ vào tính thực tế của từng trường hợp đồng thời phụ thuộc vào trình độ và tính cẩn trọng trong nghề nghiệp của chính cán bộ thuế.

KẾT LUẬN

Lệ phí trước bạ được hiểu là một khoản lệ phí mà người sở hữu tài sản cố định phải kê khai và nộp cho cơ quan thuế trước khi đưa một tài sản vào sử dụng. Lệ phí trước bạ là một khoản thu của Ngân sách Nhà nước, do người có tài sản chuyển dịch quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của mình, trả cho Nhà nước để được công nhận tính hợp pháp của hành vi chuyển dịch. Việc thu lệ phí trước bạ không chỉ có tác dụng góp phần tăng thu cho Ngân sách Nhà nước mà quan trọng là để Nhà nước tăng

cường quản lý, kiểm soát hành vi chuyển dịch tài sản trong đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý cho đối tượng có tài sản chuyển dịch.

Nhà, đất là một trong những đối tượng phải chịu lệ phí trước bạ. Lệ phí trước bạ nhà, đất đang là mối quan tâm hàng đầu của người dân khi thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất.

Nội dung bài viết đã đưa ra và xử lý tình huống phát sinh liên quan đến lệ phí trước bạ nhà, đất và cũng đã chỉ ra được một vài điểm bất cập trong quá trình xác định lệ phí trước bạ nhà, đất theo quy định hiện nay.

Tóm lại, việc tính và thực hiện lệ phí trước bạ có ý nghĩa với cả người đăng ký và Nhà nước. Đối với người đăng ký, nó là chứng nhận tài sản có giá trị thuộc về người sở hữu. Đối với Nhà nước, sẽ dễ dàng quản lý tài sản của các cá nhân, doanh nghiệp. Qua đó đánh giá được tình trạng tài chính của các cá nhân và toàn bộ nền kinh tế; từ đó có những kế hoạch điều chỉnh và thúc đẩy kinh tế phát triển tốt hơn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ban hành ngày 25 tháng 06 năm 2015;
2. Luật sư Nguyễn Văn Dương (2021), “Cách tính, công thức tính lệ phí trước bạ nhà đất mới nhất”;
3. Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;
4. Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
5. Báo điện tử Dân luật, “Hướng dẫn cách tính lệ phí trước bạ nhà, đất theo quy định mới nhất”;
6. Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
7. Quyết định số 54/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ TOAN
Khoa Kỹ thuật và Công nghệ

Mở đầu

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những nhiệm vụ cơ bản của giảng viên (GV) trong các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định vị thế của Nhà trường. Tuy nhiên, hoạt động NCKH của GV trường Đại học Hải Dương nói chung và của GV khối ngành kỹ thuật nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra, đa số các đề tài mới chỉ tập trung ở biên soạn để cung bài giảng, ngân hàng câu hỏi/bài tập/thực hành... rất ít các đề tài mang tính chuyên môn cao. Do đó, việc tăng cường hoạt động NCKH của GV khối ngành kỹ thuật tại Trường Đại học Hải Dương trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết. Bài báo này tác giả tập chung đi phân tích thực trạng NCKH của GV khối ngành kỹ thuật trong những năm gần đây và đề ra các giải pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH của GV khối ngành kỹ thuật trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: NCKH, GV.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và thế giới bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, vai trò của khoa học công nghệ trở thành nhân tố then chốt đối với sự tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững của quốc gia. Từ đó, đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải thực sự trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao khoa học công nghệ và đội ngũ GV phải là nòng cốt để thực hiện các nhiệm vụ đó. Trong những năm gần đây, hoạt động NCKH của Trường Đại học Hải Dương đã được các GV quan tâm và cải thiện tích cực hơn so với giai đoạn trước, từ năm 2017-2020, kết quả NCKH của Trường đã thu được những thành quả nhất định với số lượng công trình hàng năm tăng lên vượt trội, đó là bước tiến nhảy vọt trong NCKH của trường và đội ngũ GV khối ngành kỹ thuật cũng góp phần không nhỏ vào thành công đó. Tuy nhiên, so với các cơ sở giáo dục khác, Trường Đại học Hải Dương mới chỉ dừng ở việc có số lượng công trình NCKH, xét về loại hình nghiên cứu còn nhỏ lẻ, đơn điệu, thiếu tính chuyên nghiệp, tính thực tiễn chưa cao, để theo kịp

được các cơ sở đào tạo đó là việc không hề dễ dàng. Thực tiễn cho thấy, vẫn còn một số vấn đề bất cập tồn tại đối với hoạt động NCKH của GV trong trường nói chung và GV khối ngành kỹ thuật nói riêng cần được nghiên cứu và áp dụng đồng bộ những giải pháp phù hợp mới có thể đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV, nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà trường, xã hội và đất nước trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng NCKH của GV khối ngành Kỹ thuật

Trong những năm trở lại đây, hoạt động NCKH của GV trong Nhà trường nói chung và trong các ngành kỹ thuật nói riêng đã có sự chuyển biến rõ rệt về số lượng và loại hình nghiên cứu. Ngoài các công trình NCKH cấp cơ sở, GV còn tích cực nghiên cứu viết giáo trình/bài giảng dùng chung các bài giảng dùng chung, một số GV còn có những bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, việc viết bài đăng tạp chí Nhà trường và đăng website cũng được các GV đặc biệt quan tâm. Cụ thể:

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Bảng 1. Tổng hợp các công trình nghiên cứu của GV từ năm 2017-2020

STT	Loại công trình	Tổng số công trình							
		Toàn trường				Khối ngành kỹ thuật			
		2017	2018	2019	2020	2017	2018	2019	2020
1	Công trình nghiên cứu cấp cơ sở	199	203	195	132	46	41	35	31
	<i>Biên soạn, hoàn chỉnh, đổi mới... bài giảng các học phần</i>	90	65	50	24	30	20	10	11
	<i>Xây dựng hệ thống bài tập, thực hành học phần, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm</i>	38	63	46	14	6	7	7	6
	<i>Phương pháp giảng dạy</i>	9	21	20	11	2	3	7	0
	<i>Chuyên môn/ chuyên ngành</i>	11	15	29	19	5	9	5	5
	<i>Khác (Chương trình đào tạo, giải pháp cải tạo, quản lý phòng thực hành, đề án...)</i>	41	39	50	64	3	2	6	9
2	Giáo trình, bài giảng dùng chung	0	70	0	3	0	19	0	1
3	Bài đăng tạp chí và kỷ yếu khoa học trong và ngoài nước	13	0	4	0	5	0	1	0
4	Tạp chí Trường	38	36	40	43	6	8	10	8
	Kỷ yếu Trường	0	80	0	0	0	9	0	0
5	Hội thảo khoa học cấp trường/khoa	0	0	0	73	0	0	0	16
	Tổng	250	389	239	251	57	77	46	56

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 2. Tổng hợp đội ngũ CBGVNV trong Nhà trường và khối ngành kỹ thuật từ năm 2017-2020.

STT	Trình độ	Toàn trường				Khối ngành kỹ thuật			
		2017	2018	2019	2020	2017	2018	2019	2020
1	Giáo sư (GS), Phó giáo sư (PGS)	4	2	2	2	0	0	0	0
2	Tiến sĩ	31	31	28	31	6	5	5	5
3	Thạc sĩ	225	188	175	156	47	49	41	37
4	Cử nhân	54	50	14	10	5	5	3	0
	Tổng	314	271	219	199	58	59	49	42

(Nguồn: Phòng Tổ chức nhân sự)

Theo số liệu thống kê ở Bảng 1, 2, có thể nhận thấy hoạt động NCKH Nhà trường nói chung và của khối ngành kỹ thuật nói riêng đã có nhiều biến đổi cả về số lượng và loại công trình nghiên cứu, cụ thể như sau:

Công trình nghiên cứu cấp cơ sở: Năm 2017, toàn trường có 199 đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu trong đó khối ngành kỹ thuật có 46 đề tài chiếm 23,12%. Năm 2018, toàn trường có 203 đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu, trong đó khối ngành kỹ thuật có 41 đề tài chiếm 20,19%. Năm 2019, toàn trường có 195 đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu (trong đó có 184 công trình nghiên cứu về các lĩnh vực như biên soạn bài giảng, đổi mới phương pháp, ứng dụng phần mềm trong giảng dạy,... và 11 công trình là các đề án thành lập các trung tâm trong Nhà trường, đề án tinh giản bộ máy...), khối ngành kỹ thuật có 35 đề tài chiếm 17,95%. Nhưng đến năm 2020, do có sự biến động về nhân sự, tỉ lệ công trình nghiên cứu cấp cơ sở của GV khối ngành kỹ thuật có sự tăng nhẹ với 31 công trình trên tổng 132 chiếm 23,46%.

Viết giáo trình, bài giảng dùng chung: Năm 2018 là năm gặt hái được nhiều thành quả nhất trong công cuộc hoàn thiện các bài giảng dùng chung, là sự kết tinh của nhiều năm tham gia giảng dạy của các GV trong Nhà trường. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Nhà trường, cùng sự cố gắng của GV, toàn trường có 70 bài giảng dùng chung được nghiệm thu đưa vào sử dụng, trong đó khối ngành kỹ thuật có 19 bài giảng chiếm 27,14%.

Viết bài đăng tạp chí và ký yếu khoa học trong và ngoài nước: Từ năm 2017-2020, toàn trường có tổng 17 công trình, trong đó khối ngành kỹ thuật có 6 công trình chiếm 35,29%. Tuy nhiên, phần lớn các công trình này đều tập trung ở một số GV làm NCS còn các GV khác chưa thực sự quan tâm viết bài.

Viết bài tạp chí, ký yếu của Trường: Toàn trường có 157 bài đăng trên tạp chí của Trường (bao gồm

các lĩnh vực tin tức- sự kiện, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp...), khối ngành kỹ thuật có 32 bài chiếm 20,38%; về kỹ yếu toàn trường là 80 bài, trong đó khối ngành kỹ thuật có 9 bài chiếm 11,25%.

Hội thảo cấp khoa: Năm 2020, lần đầu tiên khoa tổ chức hội thảo khoa học cấp khoa nhưng đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các thầy cô trong và ngoài khoa tham gia, bên cạnh đó còn có sự đóng góp của đại diện các doanh nghiệp, cựu sinh viên và sinh viên đang học tập tại trường.

Về tổng thể, năm 2018 là năm CBGV ngành kỹ thuật có số lượng công trình NCKH tăng đột biến, với tổng số 77 công trình (trong đó có 41 công trình thuộc nghĩa vụ NCKH của GV chiếm 53,2%, số Bài giảng dùng chung là 19 chiếm 24,8%, tạp chí Đại học Hải Dương và ký yếu Hội thảo là 17 chiếm 22%). Để có được con số này là cả quá trình nghiên cứu, đúc kết của CBGV ngành kỹ thuật trong nhiều năm, bên cạnh đó là chế độ chính sách đãi ngộ cho hoạt động NCKH giúp CBGV có thêm động lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Năm 2017 và 2019, khối ngành kỹ thuật có tổng số công trình NCKH tương ứng là 57 và 46. Số lượng các đề tài thuộc nhiệm vụ NCKH của GV là 46/57 và 35/46 chiếm tỉ lệ tương ứng là 80,7% và 76,09%, số còn lại là các bài báo đăng tạp chí cấp trường, tạp chí trong nước và nước ngoài. Năm 2020, lần đầu tiên các khoa tổ chức hội thảo khoa học nhưng đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các thầy cô, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên tham gia viết bài hội thảo, trong đó, khối ngành kỹ thuật với 16 bài viết chiếm 28,6% so với các công trình của năm (56 công trình).

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ trên, hoạt động NCKH của GV khối ngành kỹ thuật nói riêng và của Nhà trường nói chung vẫn còn một số hạn chế như: chất lượng đề tài chưa tương xứng với

thời gian quy định dành cho NCKH; trong suốt 4 năm không có đề tài cấp tỉnh, cấp Nhà nước nào được triển khai thực hiện; số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng ít dần; không có các đề tài mang tính ứng dụng, chuyển giao công nghệ đưa vào thực tiễn sản xuất được triển khai; số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo phụ vụ cho đào tạo cũng rất ít; các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa có sự kết nối...

Nguyên nhân của các hạn chế trên:

- *Thứ nhất*, một số GV chưa nhận thức đúng và đầy đủ vai trò, lợi ích của hoạt động NCKH đối với bản thân và nhà trường cũng như trách nhiệm trong công tác NCKH. Vì thế hoạt động NCKH chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức, dẫn đến hoạt động NCKH của cán bộ GV vừa thiếu vừa yếu, nhất là các công trình NCKH chuyên sâu như tạp chí khoa học chuyên ngành, đề tài cấp tỉnh, cấp nhà nước... Một nguyên nhân khác khiến GV chưa mặn mà với NCKH là do trong nhiều năm liền quy mô đào tạo của trường khá lớn dẫn tới khối lượng giờ giảng của GV nhiều, làm cho GV không còn đủ thời gian và sức lực để tập trung cho NCKH.

- *Thứ hai*, do thiếu nguồn học liệu, trang thiết bị phục vụ NCKH dẫn tới GV không biết nên bắt đầu từ đâu để có được ý tưởng, theo Thông tư 24/2015 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với cơ sở giáo dục đại học phải có bản quyền truy cập ít nhất một cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế và một tạp chí khoa học quốc tế (bản in hay bản điện tử) đối với mỗi ngành đào tạo. Tuy nhiên, không phải cơ sở giáo dục đại học nào cũng có được nguồn học liệu này nên đây cũng là một rào cản lớn khiến GV không được cập nhật những kiến thức khoa học công nghệ, các xu hướng công nghệ hiện đại một cách kịp thời và chính xác. Mặt khác, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH các

ngành kỹ thuật vừa thiếu vừa lạc hậu, không phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

- *Thứ ba*, do một vài năm trở lại đây công tác tuyển sinh của Trường cũng như của khoa ngành giảm sút, dẫn tới giờ giảng của GV giảm đáng kể, tình trạng GV thiếu giờ ở một số nơi đang gia tăng, tâm lý GV không ổn định,... đời sống GV bị ảnh hưởng, nhiều GV phải đi làm kiếm thêm thu nhập, dẫn tới sao nhãng hoạt động chuyên môn, ngại học tập nâng cao trình độ...

- *Thứ tư*, do tuổi đời của GV khối ngành kỹ thuật trẻ, số lượng các nhà khoa học có kinh nghiệm ít, lĩnh vực nghiên cứu hẹp, môi trường nghiên cứu hạn chế... Một số GV rất muốn làm NCKH nhưng do thiếu sự định hướng và dìu dắt của các nhà khoa học có kinh nghiệm dẫn tới GV không biết nên bắt đầu từ đâu.

- *Thứ năm*, kinh phí dành cho hoạt động NCKH còn chưa phù hợp với công sức mà GV đã bỏ ra do đó không khuyến khích được GV tham gia làm NCKH, đại đa số GV chỉ coi NCKH là điều kiện bắt buộc phải hoàn thành.

2.2. Một số giải pháp tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của GV khối ngành kỹ thuật

2.2.1. Về phía Nhà trường

Thứ nhất, tăng cường nhận thức của GV, giúp GV nhận thức được tầm quan trọng và mục đích của hoạt động NCKH trong Nhà trường nói chung và với khối ngành kỹ thuật nói riêng. Để khoa, ngành phát triển, GV cần thay đổi tư duy nhận thức về công tác NCKH, GV phải xác định tham gia NCKH không chỉ làm tăng thêm kiến thức cho bản thân mà còn nâng cao chất lượng đào tạo và tăng vị thế của GV trong khoa, Nhà trường.

Thứ hai, Nhà trường cần tăng cường hệ thống tài liệu, trang thiết bị phục vụ NCKH. Để hoạt động NCKH đạt hiệu quả thì việc trang bị hệ thống tài

liệu cũng như thiết bị phục vụ NCKH là hết sức cần thiết. Nhà trường nên đăng ký hoặc liên kết các trường đại học uy tín để có thông tin về cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế và có liên kết với ít nhất 1 tạp chí khoa học quốc tế đối với mỗi ngành đào tạo. Vì khoa học là phải có tính mới, tính sáng tạo nên khi thiếu cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ sẽ làm GV gặp khó khăn trong việc tìm chủ đề nghiên cứu. Mặt khác, yếu tố cơ sở vật chất (phòng thí nghiệm) cũng có vai trò rất quan trọng, nếu thiếu sự hỗ trợ này nhà khoa học khó có thể đạt được kết quả nghiên cứu tốt.

Thứ ba, cơ chế tổ chức, văn hoá NCKH, văn hoá nhà trường cũng hết sức quan trọng. Để hoạt động NCKH đạt hiệu quả, cần tổ chức làm việc theo phương thức nhóm để mọi người cùng nhau trao đổi, chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm, học hỏi, lắng nghe và phản biện lẫn nhau. Tuy nhiên, điều kiện tạo lập được các nhóm nghiên cứu mạnh là phải có nhà nghiên cứu có kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu tốt, có uy tín để tập hợp những người cùng chí hướng và là người truyền lửa đam mê NCKH cho mọi thành viên.

Thứ tư, Nhà trường cần có sự liên kết, hợp tác với các Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu ở các Trường đại học uy tín và tạo điều kiện cho GV được tham gia các đề tài cùng các nhà nghiên cứu. Thông qua nghiên cứu thực tế giúp GV bồi sung, cập nhật kiến thức mới về lĩnh vực đào tạo, thay đổi tư duy tiếp cận vấn đề và đặc biệt kinh nghiệm trong nghiên cứu.

Thứ năm, phải có chiến lược thành lập và phát triển Trung tâm chuyên giao khoa học công nghệ làm cầu nối giữa nhà khoa học với các doanh nghiệp và làm trung gian môi giới chuyển giao các kết quả nghiên cứu và công nghệ, kỹ thuật mới cho các doanh nghiệp, tổ chức. Việc để GV và các nhà khoa học tự đi tìm doanh nghiệp, tự thuyết phục doanh nghiệp giúp triển khai kết quả nghiên cứu và

áp dụng công nghệ mới như hiện nay là không hiệu quả, bởi rất khó khăn cho GV để tìm được doanh nghiệp phù hợp, hơn nữa thiếu sự hợp tác và cam kết giữa hai bên từ trước, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Việc tạo điều kiện cho GV được hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp giúp họ bám sát thực tiễn sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nắm được các vấn đề tồn tại, hạn chế của doanh nghiệp, làm cơ sở để GV nuôi dưỡng các ý tưởng mới, hoàn thiện và thương mại hóa các ý tưởng, sáng kiến, kết quả nghiên cứu, tạo điều kiện cho GV thuận lợi để xuất vấn đề nghiên cứu và tìm kiếm được nguồn tài trợ cho đề tài nghiên cứu từ doanh nghiệp để áp dụng kết quả nghiên cứu phục vụ doanh nghiệp.

Thứ sáu, lãnh đạo Nhà trường cần quan tâm và đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng thực tiễn, đặc biệt đối với các đề tài thuộc lĩnh vực kỹ thuật. Có cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ, nuôi dưỡng đội ngũ chuyên làm NCKH vì NCKH là một công việc đặc biệt và người làm NCKH cũng cần được hưởng các chính sách ưu đãi đặc biệt, có như vậy mới khuyến khích GV làm KCKH.

2.2.2. Về phía GV

Thứ nhất, bản thân mỗi GV cũng cần xác định đúng mục tiêu phấn đấu và nuôi dưỡng lòng đam mê nghiên cứu nhằm tự tạo động lực cho chính mình. GV phải tự ý thức được vai trò, tầm quan trọng của NCKH, phải tích cực học tập trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình thông qua việc chủ động tham gia các hội thảo chuyên ngành, các hội thảo về khoa học công nghệ, nắm bắt xu thế phát triển của đất nước và của thế giới.

Thứ hai, nâng cao chất lượng các đề tài và mở rộng phạm vi nghiên cứu: Đối với các đề tài thuộc thể loại bài giảng, hệ thống bài tập thực hành, thí nghiệm... các tác giả cần dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ hơn nữa để cho ra các sản phẩm

thật sự hiệu quả. Mặt khác, để các sản phẩm này trở thành các ấn phẩm, sách chuyên khảo cần có ý kiến đóng góp của các chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu. Cần khai thác các đề tài mang tính chuyên môn, ứng dụng vào thực tiễn nhằm đem lại hiệu quả kinh tế. Đối với các bài viết đăng tạp chí trường cũng cần được cải thiện cả về nội dung và quy mô. Thông qua nâng chất lượng các bài viết trên tạp chí trường giúp GV tiệm cận dần với các tạp chí danh tiếng có chỉ số cao và rất có lợi cho bản thân GV trong quá trình học tập nâng cao trình độ (NCS) cũng như việc chuyển ngạch GV chính.

Thứ ba, để có thể lĩnh hội được các tri thức mới, GV cần phải củng cố thêm kiến thức về ngoại ngữ vì trong quá trình nghiên cứu GV thường tiếp xúc nhiều tài liệu khoa học công nghệ bằng tiếng Anh. Do đó, GV cần có lộ trình trang bị cho mình lượng kiến thức nhất định để có thể dễ dàng tiếp cận với kho tàng tri thức trong quá trình làm khoa học.

Thứ tư, mạnh dạn thành lập các nhóm nghiên cứu dưới sự cho phép của lãnh đạo Nhà trường,

cùng nhau trao đổi, chia sẻ những kiến thức lý luận và thực tiễn, thảo luận, tìm kiếm ý tưởng và triển khai nghiên cứu. Bên cạnh đó, GV nên chủ động thâm nhập thực tiễn tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, căn cứ nhu cầu để tìm kiếm ý tưởng nghiên cứu.

3. Kết luận

NCKH là hoạt động trí tuệ phức tạp, khó khăn, đòi hỏi trình độ tư duy khoa học và sáng tạo cao, cần có đủ động lực nghiên cứu để khơi dậy tiềm năng nghiên cứu và đánh thức năng lực nghiên cứu, nhằm tìm lời giải và tri thức mới cho các vấn đề đang đặt ra. Vì vậy, để kích thích và phát huy hiệu quả năng lực nghiên cứu, tính năng động, sáng tạo trong NCKH, Nhà trường và GV cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Những giải pháp này có thực hiện được tốt và mang lại kết quả hay không phụ thuộc vào các nhân tố: con người, nguồn tài chính và cơ chế quản trị đại học, trong đó yếu tố con người là nhân tố cốt lõi, quan trọng nhất và có tính quyết định cao nhất □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT (2017), *Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khoa-hoc-va-congnghe/Pages/Default.aspx?ItemID=4946>.
2. Đặng Hùng Thắng (2016), *Bốn giải pháp thúc đẩy nghiên cứu khoa học*, <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N17540/Bon-giai-phap-thuc-day-nghien-cuu-khoa-hoc.htm>.
3. Nguyễn Văn Tuân (2019), *Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên các trường đại học*, Tạp chí Giáo dục, Số 468, tr 18-22;
4. Phùng Văn Hiền (2017). *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học*. Tạp chí Lí luận chính trị, số 3, tr 68-72
5. Thông tư 24/2015 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học
6. Trần Mai Uớc (2011), *Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập*, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, Số 67, tr.59.

VIRTUALBOX - Ứng dụng phương pháp mô phỏng vào giảng dạy học phần Quản trị mạng

ThS. PHẠM VĂN QUANG
Khoa Kỹ thuật và Công nghệ

Đặt vấn đề

Từ năm học 2013-2014, Trường Đại học Hải Dương đào tạo bậc đại học ngành Công nghệ thông tin.

Việc ứng dụng phương pháp mô phỏng vào quá trình giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên ngành Công nghệ thông tin cho học phần “Quản trị mạng” nhằm mục đích:

- Nâng cao chất lượng dạy, học: gắn nội dung học phần thông qua việc mô phỏng để giải quyết các bài toán quản trị mạng trong thực tế;
- Tạo môi trường điều kiện học tập linh hoạt: thực hành tại Nhà trường, tại nhà ở và tại phòng trọ của sinh viên;
- Tiết kiệm cho giảng viên, cho sinh viên và cho Nhà trường: phần cứng và phần mềm của hệ thống mạng máy tính (phải nhiều hơn 1 máy tính) được mô phỏng, ảo hóa trên một máy tính duy nhất.

Từ khóa: mô phỏng mạng; quản trị mạng; virtual box.

1. Cơ sở lý luận

Học phần Quản trị mạng thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Công nghệ thông tin, có vai trò quan trọng trong việc đào tạo sinh viên ngành Công nghệ thông tin.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quá trình xây dựng, quản trị hệ thống mạng máy tính. Sinh viên có thể nhận biết và sử dụng được các thiết bị cơ bản liên quan đến mạng máy tính, tự bản thân xây dựng, thiết kế một hệ thống mạng LAN, WAN và triển khai các dịch vụ mạng và quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức sau khi kết thúc học phần.

- Về lý thuyết, yêu cầu cần đạt được:

Học phần Quản trị mạng phải đảm bảo tích lũy được những nội dung thiết yếu từ phía người học: như về tổng quan các khái niệm, khía cạnh có liên quan đến quản trị mạng máy tính, các kiến thức sâu hơn và cốt lõi về quá trình phân tích, triển khai và ứng dụng hệ thống mạng vào một đơn vị, tổ chức hoạt động:

- Về thực hành, yêu cầu cần đạt được: Sinh viên

cần đạt được hai yêu cầu trọng tâm về quá trình thực hành của học phần Quản trị mạng:

+ Một là thực hành - tiếp cận, nhận biết và hoạt động của các thiết bị mạng, quá trình quản trị mạng. Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai một hệ thống mạng nội bộ cho một tổ chức, đơn vị hoạt động giả định với các yêu cầu cơ bản về phần cứng, phần mềm và quản lý hệ thống.

+ Thứ hai, từ thực tế áp dụng chủ yếu tại các cơ quan đơn vị vừa và nhỏ, đến các công ty hoạt động tại các khu công nghiệp, cần triển khai yêu cầu về xây dựng hệ thống mạng theo hoạt động của tổ chức.

2. Thực trạng việc giảng dạy và học tập học phần Quản trị mạng

Nói chung, quá trình triển khai giảng dạy học phần Quản trị mạng đã đáp ứng được đúng, đủ, sát với yêu cầu từ thực tế về nhiệm vụ cung cấp kiến thức cơ bản, cốt lõi và thiết yếu trong lĩnh vực mạng, quản trị mạng nhằm triển khai từ lý thuyết vào thực tế, áp dụng được mô hình mạng theo đúng yêu cầu về khai thác, quản lý của từng mô hình, phạm vi hoạt động của tổ chức, đơn vị.

Sinh viên có thể chủ động trong việc phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị một hệ thống mạng hoàn chỉnh.

Tuy vậy, việc hoàn thiện bài giảng, nâng cao hiệu quả quá trình giảng dạy - học tập, quá trình triển khai giảng dạy học phần Quản trị mạng theo hướng cập nhật thực tế phần mảng kiến thức về thực hành, ứng dụng, xu hướng phát triển, xu hướng công nghệ nền tảng dựa trên sự phát triển của mạng máy tính đặt trong mối liên hệ giữa kiến thức học phần, kiến thức thực tế theo yêu cầu của xã hội về kỹ thuật luôn là yêu cầu có tính cập nhật và cần thiết.

Xác định được phương pháp, cách thức hoàn thiện, hướng dẫn sinh viên học tập, thực hành và nghiên cứu khoa học là làm thực tế theo hướng tiếp cận và cập nhật kiến thức mới, là nền tảng chuẩn bị tốt cho hoạt động giảng dạy của giảng viên trong chương trình đào tạo sinh viên bậc Đại học ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Hải Dương.

Một mặt nữa là do sự đòi hỏi và ứng dụng hoạt động mạng vào một tổ chức, đơn vị là khá đa dạng (từ nhu cầu nhỏ lẻ của các đơn vị vừa, nhỏ đến yêu cầu cao, chuyên nghiệp của các tổ chức lớn,... về nhiều mặt, khía cạnh như khai thác, quản lý, bảo mật,...) nên nội dung của học phần luôn đòi hỏi phải có tính ứng dụng và công nghệ phải sát, đưa được vào thực tế cuộc sống cao, quá trình này đòi hỏi phải có quá trình tìm hiểu và cọ sát từ thực tế đã được áp dụng.

Xuất phát từ các yêu cầu như vậy, việc thực hành đối với học phần cần được tổ chức một cách tự nhiên, bám sát thực tế, linh hoạt và linh động theo yêu cầu quản lý, bên cạnh đó là tạo điều kiện tiếp cận, học tập hiệu quả, khả thi, tiết kiệm... cho cả người học và người dạy, thì phương pháp mô phỏng là một hướng tiếp cận đáng được quan tâm, đầu tư và xem xét đến trong quá trình triển khai học phần.

3. Ứng dụng phương pháp mô phỏng vào

giảng dạy học phần quản trị mạng

3.1. Oracle VM VirtualBox là gì

Oracle VM VirtualBox là một nền tảng ứng dụng mã nguồn mở và miễn phí, cho phép tạo, quản lý và chạy các máy ảo (VMs - Virtual Machine). Máy ảo là những máy tính có các phần cứng được mô phỏng bởi máy tính chủ.

Oracle VM VirtualBox cho phép bạn thiết lập một hoặc nhiều máy ảo (VM) trên một máy tính vật lý và sử dụng chúng đồng thời cùng với máy tính vật lý thật. Mỗi máy ảo có thể cài đặt và thực thi hệ điều hành riêng của mình, bao gồm các phiên bản Microsoft Windows, Linux, BSD (Berkeley Software Distribution) và MS-DOS. Bạn có thể cài đặt và chạy bao nhiêu máy ảo bạn thích cũng được, hạn chế duy nhất là dung lượng ổ cứng và bộ nhớ RAM.

VirtualBox là phần mềm tạo máy ảo miễn phí chuyên nghiệp nhất hiện nay. Bạn có thể sử dụng VirtualBox để cài nhiều hệ điều hành trên một máy tính.

VirtualBox có sẵn để cài đặt trên Windows, Linux Ubuntu, Mac OS X và Solaris. Vì VirtualBox là một phần mềm ảo hóa các nền tảng, nên bạn có thể trải nghiệm những hệ điều hành mới, phần mềm mới một cách nhanh chóng và an toàn mà không lo bị nhiễm virus, không lo làm rác máy tính, không phải cài lại hệ điều hành...

3.2. Tính năng VirtualBox

- Miễn phí: Oracle VirtualBox là phần mềm mã nguồn mở miễn phí.

- Linh động: VirtualBox là nền tảng ảo hóa loại 2 (Type 2 Hypervisor). Có nghĩa là máy ảo (VM - Virtual Machine) được tạo trên một máy chủ có thể dễ dàng chạy trên một máy chủ khác bằng cách sử dụng Open Virtualization Format (OVF), VM thì có thể export và import dễ dàng.

- VM groups: VirtualBox cung cấp tính năng group. Tính năng này cho phép bạn nhóm các máy ảo mình theo một group để dễ quản lý. Các tính năng như start, close, reset, save state, shutdown,

poweroff vừa áp dụng được cho VM riêng lẻ vừa áp dụng được cả cho group.

- Snapshots: VirtualBox cung cấp tính năng snapshot chụp trạng thái VM Guest. Khi có lỗi trong quá trình lab chẳng hạn, bạn có thể quay ngược lại thời điểm ảnh chụp và hoàn nguyên VM.

Bạn có thể khôi phục hiện trạng của máy ảo về trước đó nếu như máy ảo xảy ra lỗi. Tương tự với tạo ảnh ghost và ghost cho Windows. Và có thể chụp snapshots ngay cả khi máy ảo đang chạy.

- Khả năng tương thích: VirtualBox tương thích trên hầu hết các hệ điều hành chạy 32 bit và 64 bit. Máy ảo được tạo ra có thể chạy trên tất cả các máy chủ khác nhau. Ví dụ, bạn tạo một máy ảo Ubuntu trên Windows 7, sau đó bạn có thể sao chép máy ảo này và chạy nó trên một hệ điều hành Mac OS X có cài đặt VirtualBox.

- Không yêu cầu phần cứng ảo hóa: VirtualBox không yêu cầu một máy tính có hỗ trợ phần cứng ảo hóa như Intel VT-x hoặc AMD-V. Vì vậy bạn có thể chạy nó trên các phần cứng đời cũ và các phần cứng không hỗ trợ tính năng ảo hóa.

- Guest Additions: bộ công cụ được cài đặt trên hệ điều hành máy chủ ảo để cải thiện hiệu suất của chúng và để cung cấp tích hợp với VirtualBox cũng như giao tiếp với máy chủ. Shared folders, Seamless windows, 3D virtualization. VirtualBox Guest Additions là gói phần mềm dùng để cài đặt trong các máy ảo nhằm hỗ trợ tăng hiệu suất và tính năng cho máy ảo. Với gói Guest Additions này, bạn có thể chỉnh full màn hình trong VirtualBox, điều chỉnh độ phân giải màn hình, tăng tốc đồ họa 3D...

- Hỗ trợ phần cứng: VirtualBox hỗ trợ SMP cho Guest, thiết bị USB, hỗ trợ full ACPI, phân giải đa màn hình và boot mạng PXE. VirtualBox hỗ trợ:

+ Đa xử lý (multiprocessing): VirtualBox có thể xử lý lên đến 32 CPU cho mỗi máy ảo. Mặc dù máy tính của bạn có bao nhiêu CPU cũng được.

+ Hỗ trợ USB: Không cần cài đặt bất kỳ driver cụ thể nào trên máy tính mà vẫn có thể dùng USB

trong VirtualBox. Bạn cũng có thể kết nối bất cứ loại USB nào bạn muốn mà không bị giới hạn.

+ Tương thích phần cứng: hỗ trợ hầu hết các thiết bị, bao gồm trình điều khiển ổ cứng IDE, SCSI và SATA, card mạng ảo và cả card âm thanh ảo.

3.3. Oracle VirtualBox hoạt động như thế nào

- Oracle VirtualBox có thể mở rộng và linh hoạt theo thiết kế. Về lý thuyết, ảo hóa phần mềm không quá phức tạp. Bạn có thể chạy nhiều hệ điều hành trên VirtualBox. Mỗi hệ điều hành có thể start, stop, pause độc lập nhau.

- Công nghệ ảo hóa được triển khai là Ring 0 Kernel service. Kernel bao gồm một thiết bị điều khiển có tên là *vboxsrv*. Thiết bị điều khiển này đảm nhiệm các hoạt động hoặc tác vụ như phân bổ bộ nhớ vật lý cho VM guest, tải các module ảo hóa cho các chức năng như lưu và khôi phục bối cảnh quy trình của khách khi xảy ra gián đoạn máy chủ, chuyển quyền điều khiển sang hệ điều hành khách để bắt đầu thực thi và quyết định khi nào cần xử lý các sự kiện VT-x hoặc AMD-V.

Guest tự quản lý lịch trình hệ điều hành của mình. Guest chạy như một quy trình duy nhất và chỉ khi được lên lịch bởi một máy chủ trên hệ thống máy chủ vật lý. Ngoài ra còn có trình điều khiển thiết bị bổ sung cho guest cho phép hệ điều hành truy cập các tài nguyên như disk, network và các thiết bị khác.

Ngoài các module kernel còn có các quy trình khác đang chạy trên máy chủ hỗ trợ khách đang chạy. Khi VM guest được khởi động từ giao diện VirtualBox, quy trình VBoxSVC sẽ tự động khởi động trong nền.

3.4. Download và cài đặt phần mềm VirtualBox

- Do VirtualBox là phần mềm mã nguồn mở, nên bạn hoàn toàn dễ dàng download phần mềm tại trang sau:

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

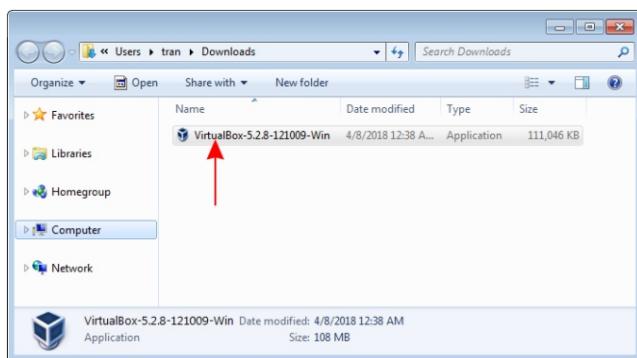
<https://www.virtualbox.org/wiki/Downloads>



Hình 1. Download VirtualBox

- Cài đặt:

Chạy chương trình và thực hiện theo hướng dẫn cài đặt



Hình 2. Install VirtualBox

3.5. Ứng dụng VirtualBox tạo môi trường mô phỏng hệ thống mạng

Các công việc cần thực hiện:

3.5.1. Cài đặt máy ảo bằng VirtualBox

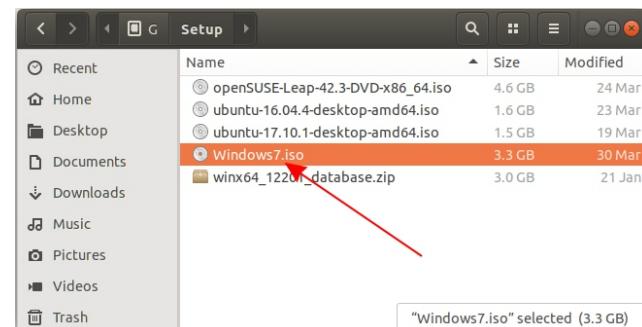
VirtualBox hỗ trợ bạn tạo máy ảo hỗ trợ nhiều hệ điều hành kèm theo các bộ nhớ RAM và ổ cứng với dung lượng lớn với khả năng vận hành tốt trên máy thật, lưu trữ an toàn và truy cập dữ liệu nhanh chóng.

Để tạo môi trường giả lập mạng máy tính ảo hoạt động theo mô hình Server/Client (Chủ/Khách), cần thực hiện lần lượt các công việc sau:

1. Cài đặt 01 máy ảo Windows Server, phiên bản tùy chọn (Windows Server 2003, 2008, 2012, 2016, 2019), được sử dụng làm máy chủ Windows Server.

2. Cài đặt tùy chọn một số máy ảo Windows Client, phiên bản tùy chọn (Windows XP, 7, 8, 8.1, 10), được sử dụng làm máy khách Windows Client.

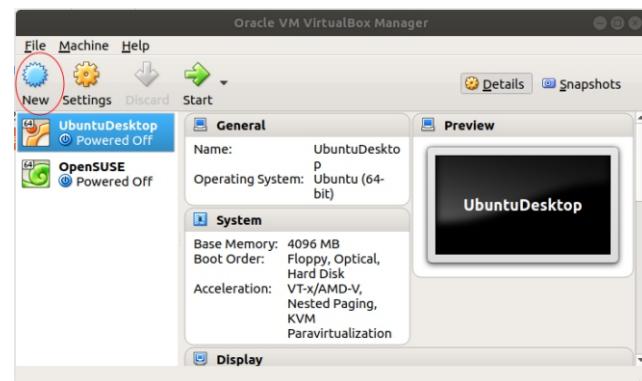
Hoàn toàn tương tự như quá trình cài đặt một hệ điều hành cụ thể mà bạn đã biết, ở đây để lấy mẫu ví dụ, trước hết, chúng ta sẽ tìm hiểu VirtualBox thông qua việc tạo một máy ảo Windows Client chạy hệ điều hành Windows 7, tôi đã có một bộ cài đặt Windows 7 với định dạng .iso được lưu trữ trên máy tính.



Hình 3. Dữ liệu file .iso của phần mềm Windows 7

Bước 1: Tải và cài đặt VirtualBox (xem hướng dẫn bên trên).

Bước 2: Chạy VirtualBox, chọn New trên menu ngang để tạo mới máy ảo:



Hình 4. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 1

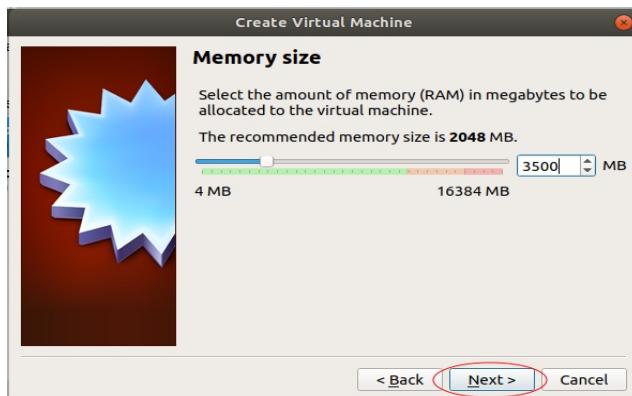
Bước 3: Điền tên đại diện máy tính ảo ở ô Name, chọn thông tin về hệ điều hành ở mục Type, phiên bản của hệ điều hành ở mục Version, nhấn Next:



Hình 5. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 2

Bước 4: Thiết lập bộ nhớ RAM cho máy ảo, nhấn Next:

Chú ý: dung lượng RAM ảo này sẽ được lấy từ RAM trên máy tính thật.



Hình 6. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 3

Bước 5: Thiết lập ổ đĩa cho máy ảo. Chọn Create a virtual hard drive now tạo cho máy ảo 1 ổ đĩa riêng biệt để sử dụng, nhấn Create:



Hình 7. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 4

Tiếp theo, chọn Dynamically expanding storage: Ổ cứng ảo loại dung lượng động hoặc Fixed-size storage: Ổ cứng ảo loại dung lượng cố định, nhấn Next:



Hình 8. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 5

Chọn vị trí tệp tin ổ đĩa ảo được tạo ra, chỉ định kích thước cho ổ ảo:



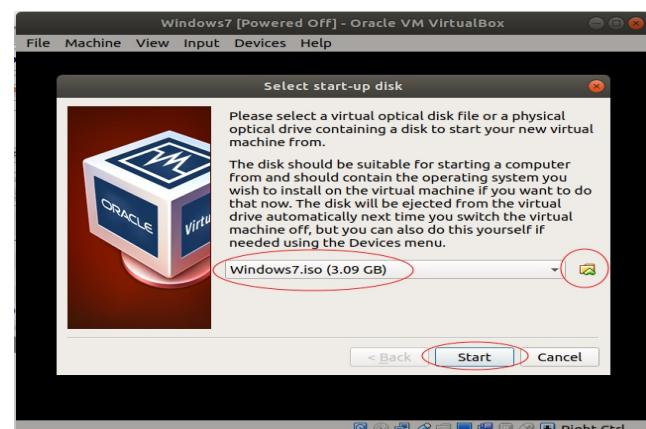
9. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 6

Bước 6: Một máy ảo Windows 7 đã được tạo, bạn có thể nhìn thấy trên cửa sổ VirtualBox Manager. Chú ý, máy ảo vừa tạo chưa được cài đặt hệ điều hành, vì vậy cần cài đặt hệ điều hành cho nó. Từ giao diện chương trình, Chọn máy ảo vừa tạo, nhấn Start:



Hình 10. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 7

Bước 7: Chọn vào biểu tượng màu vàng dẫn đến nơi chứa file .iso của hệ điều hành, chọn Open, nhấn Start để bắt đầu quá trình cài đặt Windows:



Hình 11. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 8

Bước 8: Tiến trình đang diễn ra như cài đặt Windows bình thường. Lúc này hệ điều hành bắt đầu được cài đặt:



Hình 12. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 9

Bước 9: Hoàn tất quá trình cài đặt máy ảo Windows 7, chạy trên VirtualBox:



Hình 13. Cài đặt máy ảo Windows 7 - 10

3.5.2. Thiết lập môi trường VirtualBox

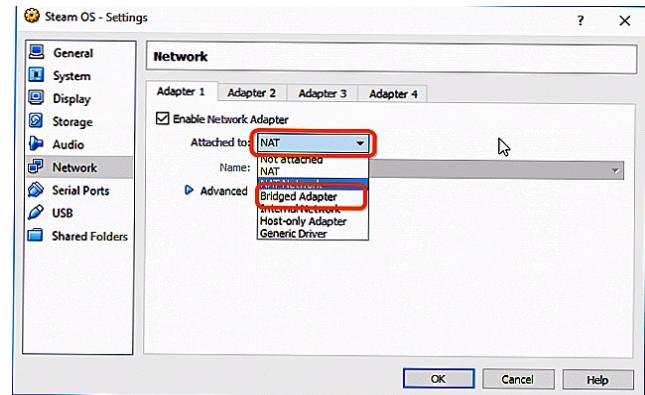
Cấu hình các thông số trên môi trường VirtualBox tạo môi trường làm việc thuận lợi, hiệu quả và thích hợp cho người dùng. Hướng dẫn một số thao tác tiện ích cần thiết trong quá trình sử dụng VirtualBox, bao gồm:

- Cách trao đổi dữ liệu giữa máy thật và máy ảo VirtualBox.

- Thiết lập thông số mạng VirtualBox cho các máy ảo:

Cũng như việc cấu hình các thông số của giao thức TCP/IP cho card mạng, trên VirtualBox cũng cung cấp cho người dùng cách thức để thiết lập các thông số này, tùy theo yêu cầu mục đích của hoạt động mạng.

Để thiết lập các thông số này, các bạn vào tùy chọn Network tại mỗi máy ảo, sẽ có các chế độ để bạn thiết lập cho card mạng của máy ảo chạy trên VirtualBox:



Hình 14. Các tùy chọn Network tương ứng cho mỗi chế độ

Việc đặt chế độ này sẽ quy định cách thức máy ảo tham gia tương tác vào hệ thống mạng LAN, Internet, ví dụ như ở trên, nếu chọn tùy chọn “Not attached” có nghĩa bạn không khai báo card mạng cho máy ảo, và máy ảo là một máy tính độc lập.

Chi tiết hơn về các chế độ này sẽ được minh họa như ở hình dưới:

	VM ↔ VM	VM → Host	VM ← Host	VM → LAN	VM ← LAN
Not attached	—	—	—	—	—
NAT	—	+	Port Forward	+	Port Forward
NAT Network	+	+	Port Forward	+	Port Forward
Bridged	+	+	+	+	+
Internal Network	+	—	—	—	—
Host-only	+	+	+	—	—

Hình 15. Các chế độ Network của máy ảo trong VirtualBox

- Một số tùy chọn khác:

Snapshots

Tạo các snapshot lưu lại các trạng thái thiết lập cho một máy ảo. Như vậy, bạn có thể trở lại trạng thái thiết lập ban đầu bằng cách khôi phục một snapshot.

USB Devices

Kết nối các thiết bị USB vào máy tính của mình và khai thác các dữ liệu bên trong chúng với máy ảo như đang kết nối trực tiếp trong máy thật. (Settings->USB->Enable USB Controller) của máy ảo.

Để sử dụng thiết bị USB, bạn click chuột vào danh mục Devices, chọn USB Devices và chọn một thiết bị mà bạn muốn kết nối.

Shared Folders

Thiết lập các thư mục được chia sẻ “Shared folders” đối với cả hệ điều hành của máy thật và hệ điều hành của máy ảo có thể truy cập. Để làm được điều này, về cơ bản VirtualBox sẽ tạo ra một thư mục trên hệ điều hành của máy thật và sử dụng mạng chia sẻ tệp tin để tạo sự tiếp cận bên trong máy ảo.

Shared Clipboard, Drag và Drop

Sao chép và dán, kéo và thả không có tác dụng giữa hệ điều hành thật và hệ điều hành ảo theo mặc định. Tuy nhiên, VirtualBox lại cho phép bạn chia sẻ những gì đã lưu vào clipboard giữa hệ điều hành thật và ảo của bạn, hay thực hiện thao tác kéo thả một cách dễ dàng giữa 2 hệ điều hành cho các tệp tin hay thư mục tương ứng.

Để kích hoạt tính năng này, cũng từ cửa sổ settings của máy ảo, tại mục General đầu tiên, bạn chọn thẻ Advanced và tùy chọn hướng chia sẻ Clipboard và Drag and Drop sau các mục Shared Clipboard và Drag'n'Drop.

Cloning Virtual Machines

Sao chép một máy ảo trong VirtualBox thông qua tính năng Clone (click chuột phải và một máy ảo và chọn Clone), cũng có nghĩa là tạo ra một bản sao của máy ảo nào đó. Vì cả hai máy ảo sử dụng số hiệu nhận dạng tương tự cho các ổ đĩa ảo của chúng nên khi thực hiện việc sao chép, VirtualBox sẽ đảm bảo chúng không xung đột với nhau.

3.5.3. Xây dựng hệ thống mạng theo mô hình Server/ Client

Thiết lập, cấu hình các thông số mạng, cài đặt các dịch vụ... cho mỗi máy ảo đã cài đặt trên VirtualBox nhằm xây dựng hệ thống mạng theo mô hình Windows Server/ Client (thuộc phần kiến thức

học phần Quản trị mạng), bao gồm:

- + Tạo dựng Domain Controller;
- + Đăng nhập máy Client vào Domain;
- + Dịch vụ tên miền DNS - Domain Name Server;
- + Dịch vụ AD - Active Directory;
- + Dịch vụ DHCP - Dynamic Host Configuration Protocol.

3.5.4. Các bài toán, thao tác quản trị mạng

Thực hiện các bài thực hành quản trị mạng (thuộc phần kiến thức học phần Quản trị mạng) dựa trên môi trường mạng máy tính Server/ Client đã được giả lập trong VirtualBox, bao gồm:

- + Cấu hình địa chỉ IP, DHCP, DNS;
- + Tạo OU, User, Group;
- + GP - Group policy, Disk quota;
- + Chia sẻ dữ liệu - Data sharing;
- + Kiểm toán - Auditing;
- + Quản lý máy in - Printer Administrator.

Kết luận vấn đề

- Phương pháp mô phỏng giúp giảng viên và sinh viên làm việc một cách sáng tạo, tìm được giải pháp thay thế những hoạt động dạy - học thiêus hiệu quả.

- Phương pháp mô phỏng giúp Nhà trường, giảng viên và sinh viên tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo môi trường linh hoạt... nhờ đó có thể khám phá nhiều chủ đề, tăng cường thời gian, hiệu quả giao tiếp, thảo luận giữa giảng viên và sinh viên.

- Việc ứng dụng phương pháp mô phỏng trong môi trường cụ thể Virtual Box đối với học phần quản trị mạng đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, thao tác về thực hành quản trị đối với hệ thống mạng □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. <https://vfo.vn/r/huong-dan-su-dung-may-ao-virtualbox-toan-tap.79887>
- [2]. <https://blogchiasekienthuc.com/thu-thuat-hay/su-dung-may-tinh-ao-virtualbox.html>
- [3]. <https://www.virtualbox.org/manual/>
- [4]. <https://www.nakivo.com/use-virtualbox-quick-overview>
- [5]. <https://www.nakivo.com/blog/virtualbox-network-setting-guide>

ỨNG DỤNG PHẦN MỀM CROCODILE GIẢI CÁC BÀI TOÁN MẠCH ĐIỆN

(*Applying Crocodile software to solve electrical circuit problems*)

TRẦN QUANG KHÁNH

ĐH Công nghệ Đông Á EAUT

Tóm tắt: Crocodile Physics là một phần mềm được sử dụng rất hiệu quả trong học tập môn Vật lý. Bài báo trình bày một phương pháp ứng dụng phần mềm này để giải các bài toán mạch điện. Kết quả phân tích cho thấy so với các phương pháp giải mạch khác, phương pháp đề xuất hết sức đơn giản, thời gian giải nhanh và có độ chính xác cao.

ABSTRACT: Crocodile Physics is a software used very effectively in learning Physics. The paper presents a method of applying this software to solve electrical circuit problems. The analysis results show that compared to other circuit solutions, the proposed method is very simple, the time is fast and has high accuracy.

Keywords: *Crocodile Physics, mạch điện, Circuits*

1. Mở đầu

Cho đến nay có nhiều phương pháp giải mạch điện được biết đến như: phương pháp áp dụng các định luật Kirchhoff, phương pháp dòng vòng, phương pháp biến đổi sơ đồ tam giác - sao; phương pháp điện thế nút,... Tuy nhiên, việc giải các bài toán mạch điện, đặc biệt là những mạch điện phức tạp, cần tiến hành theo nhiều bước tính toán, đòi hỏi chi phí thời gian và sức lực. Việc áp dụng các phần mềm là giải pháp hữu hiệu đối với các bài toán loại này.

Hiện tại có rất nhiều phần mềm đang được sử dụng trong học tập và nghiên cứu khoa học, phần mềm Crocodile Physics là một trong những phần mềm khá nhẹ nhàng, không đòi hỏi nhiều dung lượng máy tính và các thao tác sử dụng rất đơn giản, được áp dụng trong giảng dạy môn Vật lý. Trong bài báo này chúng tôi nghiên cứu ứng dụng phần mềm Crocodile Physics để giải các bài toán mạch điện, nhằm nâng cao độ chính xác và hiệu quả giải mạch điện.

2. Giới thiệu phần mềm Crocodile Physics

Phần mềm Crocodile Physics là một phần mềm

cho phép thiết kế các thí nghiệm ảo về Vật lý. Phần mềm có các thư viện cung cấp các phương tiện để thiết lập các bài thí nghiệm ảo. Với các thư viện này, người dùng có thể lấy các thiết bị từ các "kho" để lắp ghép sơ đồ theo nội dung thí nghiệm. Trong thư viện (Parts Library) có kho chứa thiết bị mạch (Circuits) gồm các mục: Analog, Pictorial và Digital như thể hiện trên hình 1.

Nháy chuột trái vào nút thích hợp, bạn sẽ có các thiết bị và linh kiện tương ứng, chẳng hạn, nếu nháy chuột vào nút Power Supplies, bạn sẽ thấy các nguồn điện như thể hiện trên hình 1.d, gồm nguồn pin (Battery), thanh điện áp có điều chỉnh (Variable voltage supply), thanh điện áp 9V (Voltage rail), thanh điện áp 0V (Zero voltage rail), nối đất (Ground) và nguồn dòng không đổi (Constant current source).

Để thiết lập một mạch điện, bạn cần thực hiện các bước sau:

- Trước hết bạn cần mở một không gian làm việc, sau đó bạn lựa chọn dụng cụ thiết bị điện trong phần Part Library, ấn chuột và rê thiết bị lựa chọn vào không gian làm việc, lắp ghép, thay đổi

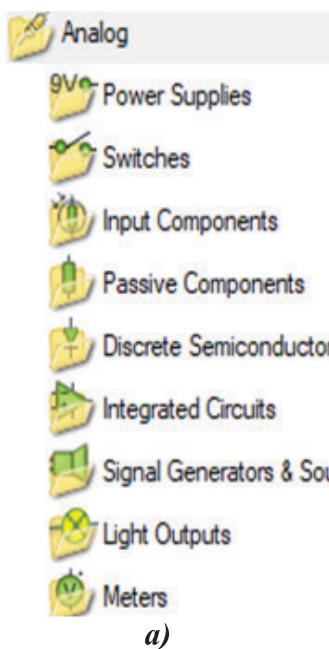
thông số.

- Khi cần di chuyển dụng cụ, bạn đưa con trỏ đến dụng cụ bấm - giữ chuột trái và di chuyển đến vị trí cần chuyển đến rồi thả chuột.

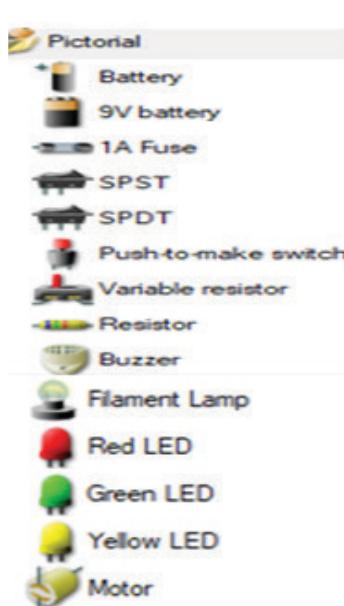
- Khi cần thiết lập các thông số của dụng cụ di chuyển con trỏ đến dụng cụ, bấm chuột phải và

chọn Properties thì trong menu dọc Properties sẽ hiện ra các tùy chọn về các thông số dụng cụ để thay đổi.

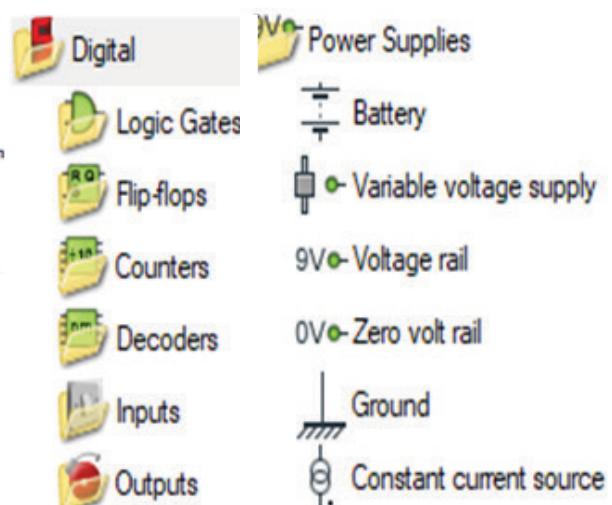
- Khi cần xoá dụng cụ, di chuyển con trỏ đến dụng cụ bấm chuột trái rồi bấm Delete hoặc bấm chuột phải và di chuyển chọn Delete trong menu.



a)



b)



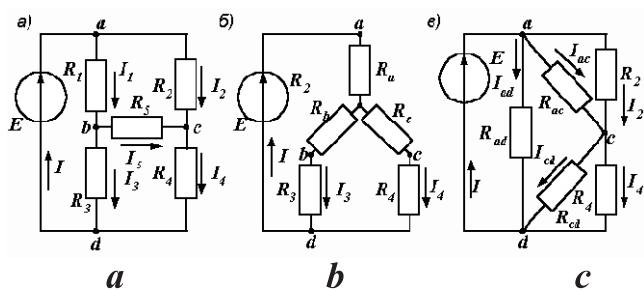
c)

d)

Hình 1: Danh mục các thiết bị điện trong thư viện Circuits

3. Ví dụ ứng dụng

Ta xét một bài toán mạch sau: Hãy tính toán dòng điện chạy trong các nhánh của mạch hình 3.a, biết giá trị của các tham số: $E=66\text{ V}$; $R_1=20\text{ k}\Omega$; $R_2=30\text{ k}\Omega$; $R_3=5\text{ k}\Omega$; $R_4=20\text{ k}\Omega$; $R_5=50\text{ k}\Omega$.



Giải: Ở bài toán này, đơn giản nhất là áp dụng định luật Ohm, tuy nhiên cố gắng xác định điện trở tổng hợp của mạch là vô ích, vì trong mạch không có các điện trở nối tiếp cũng như song song. Việc giải bài toán trước hết phải cần sự biến đổi sơ đồ

hình tam giác của các điện trở thành sơ đồ hình sao tương đương, hoặc ngược lại, tức là ta có thể giải bài toán theo hai cách.

a) Giải mạch theo phương pháp biến đổi tam giác - sao

Việc biến đổi tam giác ở hình 2.a ta sẽ nhận được sơ đồ hình sao 2.b. Lưu ý là các dòng điện ở sơ đồ gốc (I, I_3 và I_4) không thay đổi.

Các điện trở của hình sao:

$$R_a = \frac{R_1 R_2}{R_1 + R_2 + R_5} = \frac{20 \cdot 30}{20 + 30 + 50} = 6\text{ k}\Omega;$$

$$R_b = \frac{R_1 R_5}{R_1 + R_2 + R_5} = \frac{20 \cdot 50}{20 + 30 + 50} = 10\text{ k}\Omega;$$

$$R_c = \frac{R_2 R_5}{R_1 + R_2 + R_5} = \frac{30 \cdot 50}{20 + 30 + 50} = 15\text{ k}\Omega;$$

Bây giờ ta dễ dàng xác định tổng trở chung của mạch:

$$R_{\Sigma} = R_a + \frac{(R_b + R_3)(R_c + R_4)}{R_b + R_3 + R_c + R_4}$$

$$= 6 + \frac{(10+5)(15+20)}{10+5+15+20} = 16,5 \text{ k}\Omega;$$

Dòng điện chạy trong nhánh chung:

$$I_3 = I \frac{R_c + R_4}{R_c + R_4 + R_b + R_3} = 4 \frac{15+20}{15+20+10+5} = 2,8 \text{ mA};$$

$$I_4 = I \frac{R_b + R_3}{R_c + R_4 + R_b + R_3} = 4 \frac{10+5}{15+20+10+5} = 1,2 \text{ mA};$$

Trở lại sơ đồ gốc (hình 3, a):

$$I_1 = \frac{U_{ab}}{R_1} = \frac{E - I_3 R_3}{R_1} = \frac{66 - 2,8 \cdot 5}{20} = 2,6 \text{ mA};$$

$$I_2 = \frac{U_{ac}}{R_2} = \frac{E - I_4 R_4}{R_2} = \frac{66 - 1,2 \cdot 20}{30} = 1,4 \text{ mA}.$$

Dòng điện trong nhánh thứ năm được xác định theo định luật Kirchhoff:

$$I_5 = I_1 - I_3 = 2,6 - 2,8 = -0,2 \text{ mA} = -200 \mu\text{A}.$$

Dấu trừ cho biết chiều thực của dòng I_5 là hướng ngược lại trên sơ đồ.

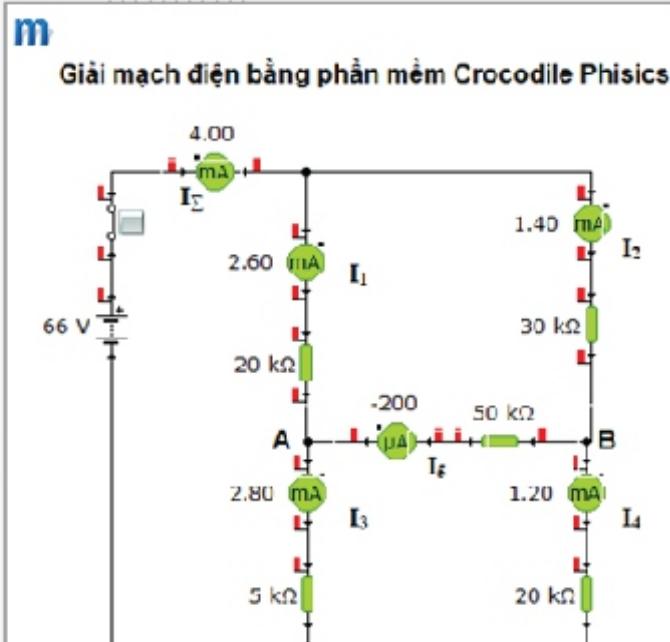
b) Giải bài toán bằng phần mềm Crocodile Phisics

The screenshot shows the software's user interface. On the left, there is a 'Contents' sidebar with various physics topics like Getting Started, Describing Motion, Force and Acceleration, Energy and Motion, Circuits, Electrical Energy, Waves, Optics, Online Content, and My Content. Below that is a 'Parts Library' section with categories: Electronics, Analog, Pictorial, and Digital. The main workspace is currently empty, indicated by a large gray area.

Trước tiên ta cần mở một không gian giải mạch bằng cách nhấn trỏ vào nút File và chọn New, sau đó vào thư viện Parts Library chọn Electronics và vào các kho thiết bị Analog chọn Power, kéo nguồn pin mặc định là 9V vào không gian tính toán, bạn thay đổi thông số thành 66V, tiếp theo vào Passive Components chọn các điện trở, kéo vào không gian tính toán và thay số phù hợp với dữ kiện đầu bài, tiếp theo vào Meters chọn ampemet, cũng cần chọn thêm một công tắc trong kho Switches.

Khi đã có đầy đủ thiết bị, bạn kết nối theo sơ đồ của đầu bài và đóng công tắc điện, các ampemet sẽ lập tức cho bạn biết giá trị dòng điện chạy trong các nhánh một cách chính xác (xem hình 3).

Nhận xét: Có thể dễ dàng nhận thấy kết quả giải mạch điện theo hai phương pháp hoàn toàn giống nhau, trong khi phương pháp giải mạch thông thường có khối lượng tính toán rất lớn thì phương pháp áp dụng phần mềm Crocodile Phisics lại được thực hiện rất đơn giản, chỉ cần thiết lập sơ đồ mạch điện bằng các thiết bị ảo.Thêm vào đó, sơ đồ mạch điện này có hành vi giống như mạch điện thực, do đó làm tăng sự hứng thú của người giải.



Hình 3. Sơ đồ giải mạch điện bằng phần mềm Crocodile Phisics.

Kết luận: Có nhiều phương pháp giải mạch điện khác nhau, tuy nhiên các phương pháp giải thông thường đòi hỏi nhiều thời gian và sức lực. Việc áp dụng các phần mềm cho phép khắc phục các nhược điểm trên.

Crocodile Physics là phần mềm không đòi hỏi nhiều dung lượng và việc sử dụng rất đơn giản, để

giải bài toán cho dù phức tạp đến đâu cũng chỉ cần thiết lập sơ đồ mạch điện với sự trợ giúp của các thiết bị ảo là có ngay kết quả.

Phương pháp đề xuất cho phép tiết kiệm thời gian và sức lực, đồng thời nâng cao độ chính xác và tin cậy của kết quả □

Tài liệu tham khảo

[1] John Bird, BSc(Hons), (2003), Electrical Circuit Theory and Technology, Linacre House, Jordan Hill, Oxford OX2 8DP20;

[2] Владимир Сергеевич Ким (2012), Виртуальный эксперимент в изучении физики Уссурийск;

[3] <http://crocodile-physics.software.informer.com>



CÁCH THỨC ĐỂ NHỚ CHỮ HÁN NHANH VÀ VIẾT CHỮ HÁN ĐẸP

THS. KHƯƠNG THỊ THỦY

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ

Tóm tắt:

Đã từ nhiều năm nay, tiếng Trung được đưa vào giảng dạy trong nhiều cấp học với tư cách là một môn học chính thức. Trong 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Trung, hầu hết người học đều cho rằng nhớ chữ Hán và viết chữ Hán đẹp là kỹ năng rất khó. Làm thế nào để viết chữ Hán đẹp? Có cách nào để nhớ chữ Hán nhanh nhất? Chắc chắn đối với học viên mới bắt đầu học tiếng Trung, thậm chí ngay cả đối với những người đã học xong Hán ngữ 1 thì việc viết chữ Hán cũng là phần học cảm thấy khó khăn nhất. Với kinh nghiệm học tập và nhiều năm giảng dạy tiếng Trung, tác giả xin chia sẻ cho người học một số kinh nghiệm nhớ chữ Hán nhanh và viết chữ Hán đẹp dưới đây, giúp nâng cao năng lực nhớ nhanh và viết đẹp chữ Hán của người học.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta cũng đều biết tầm quan trọng và sự cần thiết phải trang bị cho mình những công cụ phục vụ đặc lực cho chuyên môn, đó là Ngoại ngữ và Tin học. Tiếng Trung đã, đang và sẽ tiếp tục được sử dụng hết sức rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, thương mại, du lịch, khoa học kỹ thuật... và đặc biệt là trong lĩnh vực y dược học. Tuy là loại chữ tượng hình, chữ Hán lại có những phương pháp, quy tắc viết mà khi biết được chắc chắn người học sẽ cảm thấy cách viết chữ Hán không đến nỗi quá khó. Những người lần đầu tiên học chữ Hán hẳn là sẽ rất bỡ ngỡ khi nhìn thấy những con chữ nhiều nét lớn, nhỏ, dài, ngắn... Nếu như không chăm chỉ luyện tập hàng ngày thì nhất định sẽ không thể viết tốt và viết đẹp. Khi không học được, nhìn lại những con chữ mình viết xiêu vẹo thì sẽ rất nản lòng. Cách thức học chuẩn và phù hợp sẽ đem lại hiệu quả cao trong việc học tiếng Hán.

2. Nội dung

Giáo trình “祖级汉语课本” của Học viện ngôn ngữ Bắc Kinh- Nhà xuất bản văn hóa thông tin (2010) và Giáo trình Hán ngữ BOYA do Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Truyết Mai, Dư Xương Nghi biên soạn; Nguyễn Thu Hà biên dịch - Nhà xuất bản Đại học

Quốc gia Hà Nội đã chỉ ra các cách nhớ và quy tắc viết chữ Hán, tôi đã học theo, lọc ra những ý chính, đã hướng dẫn người học và thấy rất hiệu quả!

2.1. Các bước nhớ chữ Hán nhanh

Bước 1: Cần nắm được các nét cơ bản trong viết tiếng Trung:

- Nét ngang: nét thẳng ngang, kéo từ trái sang phải.

- Nét số thẳng: nét thẳng đứng, kéo từ trên xuống dưới.

- Nét chấm: một dấu chấm từ trên xuống dưới.

- Nét hất: nét cong, đi lên từ trái sang phải.

- Nét phẩy: nét cong, kéo xuống từ phải qua trái.

- Nét mắc: nét thẳng, kéo xuống từ trái qua phải.

- Nét gập: có một nét gập giữa nét.

- Nét móc: nét móc lên ở cuối các nét khác.

Bước 2: Nắm được quy tắc viết cơ bản trong chữ Hán:

- Ngang trước sô sau: 十, 丁, 干

- Phẩy (ノ) trước, mắc (乚) sau: 八, 人

- Từ trái qua phải: 州, 划

- Từ trên xuống dưới: 三, 合

- Từ ngoài vào trong: 月, 同

- Bộ 𠂇 và 𠂇 viết sau cùng: 这, 还

- Giữa trước; trái rồi phải: 小, 少

- Vào nhà trước rồi đóng cửa: 曰, 回.

Bước 3: Tập viết theo hướng dẫn, cố gắng tuân thủ đúng thứ tự triển khai các nét và luyện tập nhiều lần. Đồng thời ghi nhớ tên và ý nghĩa một số bộ thủ thường dùng trong quá trình học chữ Hán.

Học thuộc 214 bộ thủ là phương pháp khá đơn giản và hiệu quả để học chữ Hán. Khi chúng ta không biết cách đọc một từ, chúng ta có thể dựa vào bộ thủ để tra nghĩa cũng như cách đọc của từ ấy. Vì vậy học thuộc bộ thủ cũng là một cách để ghi nhớ chữ Hán (hay còn gọi là chữ Trung Quốc).

Phương pháp chiết tự (chè chữ, phân tích chữ) là một cách nhớ chữ Hán nhanh và hiệu quả.

* Một số ví dụ về chiết tự như sau:

- 午 xiàwǔ - buổi chiều

下 cái cây dưới mặt đất, 午 là ngọ (12 giờ trưa). Chữ này giống chữ 牛 (con trâu). 12 giờ trưa nó nóng quá nên rụt đầu.

- 上午 shāngwǔ - buổi sáng 上: Cái cây trên mặt đất 午 là ngọ (12 giờ trưa). Chữ này giống chữ 牛 (con trâu).

- 图书馆 túshūguǎn:

Thư viện 图 (Hán việt là đồ: bức tranh) gồm: Bộ vi (匚) + chữ đông (冬-mùa đông. Phân tích nhỏ hơn là gồm bộ trĩ 夂 và 2 chấm băng 丶 丶). Bức tranh mùa đông rất là đẹp.

书: 2 giá sách () + kệ đọc sách (丨) + con đọc sách (丶).

馆: Bộ Thực (饣) + bộ Miên (饑) + 2 người nói chuyện với nhau. Quán nghĩa là căn nhà có mái, có thực phẩm và có 2 người nói chuyện.

- 要yào - muốn, cần

Gồm: Bộ tây (xi) (囗) và bộ nữ (女)

Người Trung quốc muốn con gái phương Tây pha cà phê cho uống.

- 换huàn - đổi, thay

Gồm : Bộ thủ (扌) + đao nằm () + ương (央-trung ương)

Đổi bằng tay, mang dao đi đổi. Đổi ở đâu: ngân hàng trung ương.

Các bạn có thể tham khảo bộ sách dưới đây để giúp luyện nhớ 3300 chữ Hán chia làm 3 tập

1,2,3 của thầy Phạm Dương Châu - Nhà xuất bản Mỹ thuật.



Việc đầu tiên người học viết chữ Hán cần làm đó chính là hãy chọn cho mình những chiếc bút mực nước nét đậm và một quyển vở luyện nhớ chữ Hán, tránh viết bút bi khi mới bắt đầu học bởi vì nó có thể sẽ làm cho những nét chữ bạn viết thành một thói quen ngay từ ban đầu, sau này muốn sửa sẽ rất khó.

Thứ hai là bạn hãy học cách viết cân đối một chữ trong một ô: Khi viết chữ Hán vào vở tập viết thường có kẻ ô sẵn, mỗi chữ bạn viết trong một ô. Bạn chú ý viết ngay ngắn, thẳng hàng và mỗi con chữ cần phải đều nhau. Vậy làm như thế nào để cân đối các chữ trong các ô vuông đó? Chủ yếu là do cách trình bày các chữ ít nét, nhiều nét vào trong ô vuông đều nhau. Việc này cần sự luyện tập thường xuyên và nhiều lần của người viết.

Thứ ba là khi viết chữ Hán bạn cần phải thả lỏng tay của mình, không nên cầm quá chặt bút bởi như vậy sẽ làm cho các đường nét, con chữ của bạn thô cứng, lệch và xấu. Không nhất thiết bạn phải đi học thư pháp thì chữ Hán mới đẹp, bạn cũng có thể tự học, tự rèn luyện chữ của mình ngay từ khi mới bắt đầu.

Chữ Hán là loại văn tự biểu ý kiêm biểu âm, được cấu tạo bằng các nét, mỗi chữ được viết trong một ô vuông.

Nét chữ Hán là đơn vị cấu thành nhỏ nhất của chữ Hán, được biểu hiện bằng các đường vạch. Vì thế, muốn viết chữ Hán đẹp và chuẩn phải bắt đầu từ việc luyện viết các nét chữ. Nét chữ viết đúng

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

hay sai, viết đẹp hay xấu đều trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng viết.

Dựa vào đặc điểm các nét, ta có thể phân thành các loại sau:

- *Nét thẳng, nét cong và nét gập*

+ Nét thẳng: Ngang (横) 一; Sô (竖) | . Khi viết các nét này phải viết sao cho nét thẳng phải thẳng như sợi dây kéo căng nhưng không cứng.

+ Nét cong tròn: Phẩy (撇) ノ, ジ; Mác (捺) Cong mót (钩) ジ . Nét cong gập: Sô cong (竖弯) ; Sô cong mót (竖弯钩) ハ.

+ Nét gập: Ngang gập (横折) ロ ; Sô gập (竖折) ハ . Khi viết nét cong phải cong như cánh cung nhưng không yếu; nét cong gập chỗ cong có gập, chỗ gập có cong.

- *Nét dài và ngắn*: Nói nét dài hay ngắn là nói trong sự so sánh của cùng một loại nét, độ dài ngắn này là do cấu tạo của chữ quyết định.

+ Nét ngang: Ngang ngắn (短横) 一 ; Ngang dài (长横) 一.

+ Nét sô: Sô ngắn (短竖) | ; Sô dài (长竖) | .

+ Nét phẩy: Phẩy ngắn (短撇) ノ ; Phẩy dài (长撇) ハ .



Khi viết các nét này phải xác định được vị trí, độ dài ngắn của nét trong chữ để viết cho phù hợp.

- *Nét đậm và thanh (nhỏ và to)*: Nét đậm hay thanh là do khi viết nhấn ngòi bút mạnh hay nhẹ.

Nét ngang và nét sô khi đặt bút viết và trước khi nhắc bút thì nhấn bút mạnh hơn, nét chữ đậm hơn; khi đưa bút thì nhấn nhẹ hơn, nét chữ thanh hơn: 一 . Những nét có dạng nhọn như nét phẩy, mác, móc và hất khi đặt bút và đưa bút nhấn bút mạnh hơn, nét chữ đậm; khi kết thúc nét thì nhắc dần bút, nét chữ thanh và nhọn dần: ノ, ジ .

- *Nét đứng và nghiêng*: Nét đứng hay nghiêng là do sự thay đổi trạng thái của nét. Cùng một nét nhưng ở các chữ có kết cấu khác nhau sẽ có sự thay đổi trạng thái đứng hay nghiêng khác nhau để chữ được cân đối. Ví dụ: Nét phẩy trong chữ 人 (rén) viết thành nét phẩy nghiêng ノ ; Nét phẩy trong chữ 月 (yuè) viết thành nét phẩy đứng ジ .

Khi viết mỗi nét chữ đều có ba bước:

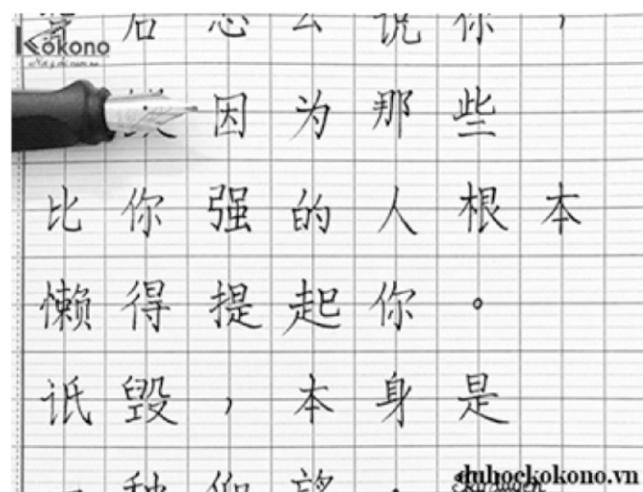
- Đặt bút: Đặt bút nhẹ hoặc nhấn mạnh.

- Đưa bút: Đưa bút hơi nhẹ, nét viết hoặc thẳng hoặc cong hoặc gập.

- Nhắc bút: Nhắc bút hoặc nhấn mạnh hoặc nhắc nhẹ dần tạo thành nét (có đầu) nhọn.

Để viết ra một chữ Hán đẹp và chuẩn, nét chữ viết ra vừa phải cứng vừa phải mềm. Nét ngang, nét sô phải bằng phẳng thẳng; nét cong phải cong đều như cánh cung, nét cong gập phải cong tròn tự nhiên.

Khi viết chữ Hán bạn cần phải thả lỏng tay của mình, không nên cầm quá chặt bút bởi như vậy sẽ làm cho các đường nét, con chữ của bạn thô cứng, lệch và xấu... Thả lỏng tay viết mềm mại, nhẹ nhàng như khi bạn viết tiếng mẹ đẻ của mình vậy.



Viết chữ Hán đơn thể đẹp và chuẩn phải ngang bằng số thẳng, trọng tâm ổn định: 干, 年, 半; Phẩy mác vươn dài, giữ được cân bằng: 米, 未, 衣; Ngang số cân bằng, mau thưa cân đối: 具, 真, 甲; Xác định nét chính, nắm vững trọng tâm: 土, 左, 我; Nét chữ thô túng, hình chữ sinh động.

Khi muốn viết bộ thủ đẹp cũng cần chú ý tới vị trí của bộ thủ trong chữ: bộ thủ bên trái, bộ thủ bên phải, bộ thủ đầu chữ, bộ thủ đáy chữ.

Ví dụ: Khi viết bộ 女 (女字旁), viết nét phẩy chấm phải viết hẹp (đứng) và dài, nét phẩy thứ hai nghiêng hơn nét phẩy thứ nhất, nét ngang dài (của chữ độc thể 女) thành nét hất viết ngang và không cắt qua nét phẩy thứ hai. Ví dụ: 好, 妈, 姓.

Viết bộ 森 (木字旁). Viết nét ngang ngắn, viết nét số thuỷ lộ cắt nét ngang ở gần sát đầu bên phải; đặt bút ở chỗ cắt nhau giữa hai nét viết nét phẩy ngắn; đặt bút ở dưới chỗ cắt nhau một chút viết nét chấm phải - do nét mác của chữ độc thể 木 biến thành. Ví dụ: 林, 树, 校.

Viết chữ Hán hợp thể: Khi viết chữ Hán hợp thể điều quan trọng hơn cả là chú ý tỉ lệ giữa các bộ phận của chữ sao cho hài hoà cân đối. Khi viết chữ Hán vào quyển tập viết thường có kẻ ô sẵn - mỗi chữ viết 1 ô bạn cần phải viết ngay ngắn, thẳng hàng và mỗi con chữ cần phải đều nhau. Cái khó ở đây là các ô

chia sẵn thì rất đều nhau nhưng chữ Hán thì lại không có chữ nhiều nét, có chữ ít nét, có chữ to, chữ bé... Vậy làm thế nào để cân đối các chữ trong các ô vuông đó? Thực ra chính là cách trình bày các chữ ít nét, nhiều nét vào trong ô vuông đều nhau.

Điều rất quan trọng đó là bạn cần phải nắm được quy tắc viết chữ. Vì chữ Hán nhiều nét, lại là chữ tượng hình không giống như các ngôn ngữ khác có bảng chữ cái do vậy không phải thích viết thế nào là có thể viết mà cần phải thực hiện những quy tắc dưới đây:

Ngoài ra các bạn có thể vào:

<https://tiengtrungthuonghais.vn/tuhoctiengtrung/tai-giao-trinh-luyen-viet-chu-han-dep/> để down trực tiếp tài liệu xuống học tập.

Và điều cuối cùng tác giả muốn nhấn mạnh rằng muốn viết tốt, viết đẹp chữ Hán thì cần chăm chỉ luyện tập.

3. Kết luận

Ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng có vai trò vô cùng quan trọng đối với tất cả mọi người trong thời kỳ đổi mới của đất nước. Chữ viết tiếng Trung (còn gọi là tiếng Hán) mặc dù khó nhớ, khó viết nhưng không phải là không có cách. Hãy kiên nhẫn chăm chỉ, vận dụng các cách thức được nêu ra ở trên, chắc chắn sẽ hiệu quả! □

祝你们记得快，写得好看汉字！

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình “祖级汉语课本”. Học viện ngôn ngữ Bắc Kinh. Nhà xuất bản văn hóa thông tin (2010).
- Giáo trình Hán ngữ BOYA do Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Truyết Mai, Dư Xương Nghi biên soạn; Nguyễn Thu Hà biên dịch; Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
- Bộ sách giúp luyện nhớ 3300 chữ Hán chia làm 3 tập 1,2,3 của thầy Phạm Dương Châu - Nhà xuất bản Mỹ thuật.
- <https://tiengtrungthuonghais.vn/tuhoctiengtrung/tai-giao-trinh-luyen-viet-chu-han-dep/>

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

THS. NGUYỄN THỊ THẨM

Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra

MỞ ĐẦU

Nâng cao chất lượng đào tạo chính là làm cao hơn giá trị, phẩm chất của quá trình đào tạo hay nói cách khác đi là làm cho giá trị sản phẩm của đào tạo có giá trị phẩm chất cao hơn, có kỹ năng và kỹ xảo nghề nghiệp tốt nhất, đáp ứng được yêu cầu thực tế và những vận động không ngừng của xã hội.

Trường Đại học Hải Dương là trường công lập duy nhất trực thuộc của tỉnh Hải Dương đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo của trường luôn luôn là yêu cầu cấp thiết.

Từ khóa: Chất lượng, đào tạo, giải pháp.

1. Lý luận chung về nâng cao chất lượng đào tạo

Theo quan niệm của nhà nghiên cứu Lê Đức Ngọc, Lân Quang Thiện - Đại học quốc gia Hà Nội “Chất lượng đào tạo được đánh giá qua mức độ đạt được mục tiêu đào tạo đề ra đối với một chương trình đào tạo”. Chất lượng đào tạo là kết quả của quá trình đào tạo được phản ánh ở các đặc trưng về phẩm chất, giá trị nhân cách và giá trị sức lao động hay năng lực hành nghề của người tốt nghiệp tương ứng với mục tiêu, chương trình đào tạo theo các ngành nghề cụ thể.

Trong lĩnh vực đào tạo chất lượng đào tạo có đặc trưng sản phẩm là con người, có thể hiểu là kết quả đầu ra của quá trình đào tạo và được hiểu cụ thể ở phẩm chất, giá trị nhân cách và giá trị sức lao động hay năng lực của người tốt nghiệp, tương ứng với mục tiêu đào tạo của từng ngành đào tạo. Với yêu cầu đáp ứng nguồn nhân lực của thị trường lao động, quan niệm về chất lượng đào tạo đại học không chỉ dừng lại kết quả của quá trình đào tạo trong nhà trường mà còn phải tính tới mức độ phù hợp và thích ứng của người tốt nghiệp với thị

trường lao động.

Nâng cao chất lượng đào tạo chính là làm cho sản phẩm của quá trình đào tạo có giá trị cao thể hiện qua tri thức sâu, kỹ năng và kỹ xảo nghề nghiệp tốt, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo bao gồm phẩm chất xã hội - nghề nghiệp, trình độ kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực hành nghề sau tốt nghiệp, tiềm năng phát triển nghề nghiệp và khả năng thích ứng với thị trường lao động cũng như môi trường làm việc.

Ngày nay Khoa học - Công nghệ phát triển như vũ bão đã tạo điều kiện cho quá trình tăng năng xuất lao động nên nó cũng đã tác động trực diện, nhanh chóng tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính vì vậy yêu cầu các trường đại học phải tiến hành nghiên cứu, đổi mới mục tiêu đào tạo, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển con người toàn diện. Ngoài ra do tác động sâu rộng của Khoa học - Công nghệ nên giáo dục ngày càng đổi mới theo hướng đa dạng, linh hoạt. Chính vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo trong trường đại học là một yêu cầu tất yếu khách quan hiện nay và

nằm trong xu thế hình thành chương trình giáo dục toàn cầu.

Đại học Hải Dương là một trong những trường trọng điểm của tỉnh đã hoàn thành quá trình Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường Cao đẳng Đại học Việt Nam vào tháng 12 năm 2020. Ngày 26 tháng 05 năm 2021, Trường đã chính thức nhận giấy chứng nhận “Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo là một yêu cầu cấp thiết để góp phần thực hiện đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, thích ứng yêu cầu đổi mới. Sản phẩm của Nhà trường sẽ là những sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng làm việc độc lập và giỏi việc, góp phần thực hiện sự nghiệp giáo dục chung của Nhà trường.

2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Hải Dương

2.1. Đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hải Dương là "Học để làm được việc". Do đó giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người được tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường Đại học Hải Dương là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Chính vì vậy Nhà trường cần đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy. Để thực hiện điều này Nhà trường cần tiến hành tổ chức hội thảo, luôn luôn bổ sung, chỉnh sửa, đổi mới chương trình đào tạo, tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ để triển khai thực hiện..., ngoài ra cần khảo sát nhu cầu của các cơ sở tuyển dụng.

Nội dung, chương trình đào tạo phải gắn với yêu cầu của từng ngành nghề, định hướng của thị trường và đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ trong hệ thống giáo dục. Chương trình đào tạo phải

được xây dựng theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến và với các trường đại học phát triển trong và ngoài nước.

Việc áp dụng những phần mềm mới, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào nội dung đào tạo và quản lý quá trình đào tạo cần được Nhà trường cập nhật thường xuyên, liên tục. Các phương thức học tập khác nhau như học trực tiếp, học trực tuyến, học từ xa, tự học... phải được chuẩn bị tốt để tạo môi trường thuận lợi cho người học và đối phó với tình huống bất ngờ như bão lũ, dịch bệnh...

Phương pháp giảng dạy chính là phương pháp hỗ trợ cho sự khám phá. Vì vậy, cần tích cực hóa để khơi dậy năng lực sáng tạo và thích ứng. Tiếp tục duy trì và phát triển giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành, tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường với cơ quan doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên gắn với thực tế. Về phía giảng viên cần vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên.

Nhà trường cần phát huy tối đa vai trò của các tổ chuyên môn như tổ chức sinh hoạt với nội dung chuyên môn phong phú, thiết thực, động viên tinh thần tự cầu thị trong quá trình tự bồi dưỡng của các giảng viên, thường xuyên tổ chức dự giờ, nghiêm túc rút kinh nghiệm, đánh giá đúng và kịp thời giảng viên qua đợt đánh giá năng lực giảng viên vào đầu mỗi năm học mới. Đổi mới giảng viên giảng dạy không đáp ứng yêu cầu cần bố trí công việc khác phù hợp.

2.2. Đổi mới tổ chức quản lý đào tạo

Khi đã có thầy giỏi, giáo trình, phương tiện học tập đầy đủ, trò ham học là những điều kiện tốt để đảm bảo chất lượng, thì vai trò của người quản lý sẽ là yếu tố quyết định thành công. Người quản lý giỏi sẽ giải quyết tốt mối quan hệ sư phạm cần thiết và quan trọng này. Do vậy, bài toán chất lượng rất cần người quản lý có đủ trình độ, năng lực để thê hiện trách nhiệm quản lý trong giai đoạn hiện nay.

Nhà trường căn cứ tiềm lực của từng khoa chuyên môn, các ngành phát triển cũng như quy mô đào tạo một cách hợp lý để nâng cao chất lượng đào tạo trong trường.

Phía các khoa chuyên môn phải xây dựng cơ chế phối kết hợp với các phòng, trung tâm xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên tham gia để sử dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có.

Nhà trường cần thực hiện định kỳ đánh giá chương trình đào tạo để có những thiết kế bổ sung, sao cho chương trình đảm bảo tính hội nhập và tiên tiến hướng tới đào tạo những gì xã hội cần. Chương trình phải hướng đến đào tạo hợp lý 03 vấn đề (kiến thức, kỹ năng, thái độ, tùy theo từng ngành khác nhau và tỷ lệ, kiến thức, kỹ năng khác nhau) và cần giải quyết đồng bộ các bước như: Thiết kế lại chương trình đào tạo theo định hướng hướng nghiệp; phát triển tài liệu giảng dạy, tổ chức đánh giá quá trình đào tạo, đảm bảo tính liên thông và mềm dẻo.

Cần tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp và nhà tuyển dụng trong: phát triển chương trình, địa bàn học tập, hướng dẫn tay nghề và sử dụng lao động.

Tổ chức thường xuyên các lớp đào tạo ngoài giờ về Tin học và tiếng Anh để sinh viên đạt chuẩn trước khi ra trường.

2.3. Đổi mới quy trình tổ chức đào tạo

Hiện nay công tác đào tạo của Nhà trường tuân theo kế hoạch, đào tạo theo tín chỉ nhưng hình thức một phần là theo niên chế, do yếu tố sinh viên ở một vài chuyên ngành có số lượng ít. Do đó các khoa chuyên môn cần thực hiện tốt việc phân môn cho các giảng viên, giám sát chặt chẽ quá trình phân bổ môn học trong từng học kỳ để chương trình đào tạo được đảm bảo hợp lý về khối lượng, nhịp độ giảng dạy giữa các môn cơ sở ngành và lý thuyết. Chính vì vậy Nhà trường muốn tổ chức đào tạo tốt thì cần phải coi kế hoạch hóa là công cụ chủ yếu của công tác quản lý: tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

Nhà trường cần đảm bảo chất lượng trong đánh giá kết quả học tập. Hàng năm nhà trường cần rà soát, hoàn thiện ngân hàng đề thi với các hình thức đánh giá theo yêu cầu tính chất của môn học, công khai điểm rèn luyện và điểm thi giữa kì trước khi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, nhà trường cần phối hợp với nhà tuyển dụng đánh giá năng lực của sinh viên ra trường theo cam kết với xã hội, liên hệ với các nhà tuyển dụng để tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên có thể có được việc làm sau khi ra trường.

2.4. Đổi mới công tác xây dựng đội ngũ và bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng viên

Giảng viên là người quyết định chất lượng đào tạo, do vậy Nhà trường cần tập trung vào đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng để “chuẩn hóa” đội ngũ giảng viên. Giảng viên phải là người có năng lực về kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp. Những giảng viên này phải được trang bị ngoại ngữ và tin học để tiếp cận với thông tin mới nhất liên quan tới quá trình dạy học, tìm hiểu phương pháp giảng dạy mới nhất, có khả năng nghiên cứu để phát triển năng lực.

Nhà trường cần tăng cường đầu tư để phát triển đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, có trình độ kiến thức chuyên môn, sư phạm và kỹ năng nghề, thực hiện luân phiên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên theo chu kỳ. Trường tạo điều kiện để giảng viên đi tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm ở các trường tiên tiến và nước ngoài, cử giảng viên học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trung tâm, các dự án nước ngoài tổ chức. Cùng với đó, trường cần thường xuyên tổ chức thi giảng viên dạy giỏi cấp trường và lên kế hoạch dự giảng để có điều kiện học tập kinh nghiệm của nhau.

Việc đánh giá và phân loại trình độ, năng lực của giảng viên cần tiến hành theo định kỳ để làm cơ sở cho việc giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng. Có như vậy mới thực hiện được việc chuẩn hóa trình độ giảng

viên phù hợp với mục tiêu đề ra. Hoạt động bồi dưỡng giảng viên phải được tiến hành thường xuyên, liên tục theo mục tiêu xác định và giảng viên được công nhận về chuyên môn và sư phạm.

2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nhà trường cần tạo lợi thế bằng việc thực hiện đầu tư cơ sở vật chất theo hướng tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện dạy và học. Bên cạnh đó giáo trình, tài liệu học tập cũng cần được Nhà trường đầu tư biên soạn, bổ sung cập nhật thường xuyên để trường có điều kiện tiếp cận với thông tin mới.

Đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện; Website của nhà trường phải được cải tiến và cập nhật mới thường xuyên. Mạng wifi cần được phủ trong toàn trường. Trang bị các dụng cụ, máy móc vật tư cho các phòng thí nghiệm.

Ví dụ sinh viên học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành không thể lên lớp với những tài liệu, sách vở thông thường, mà cần có thông tin nối mạng thật và ảo với các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, các dịch vụ đi kèm. Người học phải được tiếp cận với những công nghệ mới liên quan đến cung cấp thông tin để có thể quản trị sự kiện, tổ chức sự kiện, khai thác giá trị nhân văn của các địa

danh, di tích lịch sử, văn hóa - xã hội... Nghĩa là người học thực sự bước vào "thực tế" nghề nghiệp ngay trên giảng đường, có thể đưa sinh viên đi thực tế ngay từ năm thứ nhất hay học một số tín chỉ thực hành tại doanh nghiệp... Điều này không chỉ góp phần giúp sinh viên hứng thú hơn trong học tập mà còn giúp các em trang bị kỹ năng, sớm tiếp cận các cơ hội việc làm. Vì vậy cơ sở vật chất được tăng cường sẽ phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Để nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. *Một là*, cách tổ chức và quản lý đào tạo tốt thì chất lượng đào tạo của Nhà trường sẽ được cải thiện rõ rệt. *Hai là*, đội ngũ giảng viên rất quan trọng đối với người học, giảng viên càng giỏi về chuyên môn và có trách nhiệm thì chất lượng đào tạo sẽ tốt hơn. *Ba là*, cách đánh giá kết quả học tập đúng đắn, khoa học và công bằng sẽ giúp gia tăng chất lượng đào tạo, bởi lẽ sẽ khuyến khích sinh viên học tập chăm chỉ hơn. *Bốn là*, chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ và năng lực người học cũng có tác động đến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cuối cùng cơ sở vật chất tốt thì trường sẽ có chất lượng đào tạo được nâng lên □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Thu Hà (2017), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo theo tín chỉ Đại học Tân Trào*, Tạp chí Khoa học Tân Trào, Số 5, trang 95.
2. Phạm Minh Hạc (2005), *Về đổi mới phương pháp dạy - học ở đại học và cao đẳng*, Tạp chí Giáo dục, tr. 32-33.
3. Đỗ Trung Tá (2004), *Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông để đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam*, Tham luận tại Hội thảo “Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam - Hội nhập và thách thức”, Hà Nội.
4. NCS.ThS. Trần Nam Trung (2020), *Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học - cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Công thương, trang 67.
5. Nguyễn Lan Trung (2004). *Đổi mới phương pháp giảng dạy, nhu cầu cấp bách để nâng cao chất lượng đào tạo*, Tham luận tại Hội thảo “Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam - Hội nhập và thách thức”, Hà Nội.

KỸ NĂNG HỌC TRỰC TUYẾN HIỆU QUẢ CHO SINH VIÊN

THS. TRỊNH THỊ TRANG

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến ngày càng phức tạp, việc dạy học trực tuyến (e-learning) trở nên phổ biến hơn với tất cả các cấp học từ tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông cao đẳng, đại học... Đây được xem là giải pháp hữu hiệu trong thời điểm này, để đảm bảo an toàn cho học sinh. Nhưng để có được những giờ học trực tuyến chất lượng và thực sự hiệu quả, cần nỗ lực rất lớn của cả thầy và trò. Đối với Trường Đại học Hải Dương, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, ngay sau khi có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc triển khai tổ chức dạy học trực tuyến, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, lịch học trực tuyến và tổ chức dạy - học trực tuyến cho giảng viên, sinh viên tất cả các khóa học của Nhà trường. Bài viết sau đây sẽ đưa ra một số kỹ năng học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương.

Từ khóa: dạy học trực tuyến, học trực tuyến.

1. Một số vấn đề về dạy học trực tuyến

1.1. Khái niệm về dạy học trực tuyến

Dạy học trực tuyến là hình thức giáo dục online, giúp chúng ta có thể tiếp nhận thông tin dễ dàng, với các phương tiện như: điện thoại, máy tính hoặc máy tính bảng có kết nối internet. Người học có thể học tập tại nhà hay bất cứ đâu mà không cần phải tới trường học.

Dạy học trực tuyến (hay còn gọi là e-learning) là phương thức học ảo thông qua một thiết bị nối mạng đối với một máy chủ ở nơi khác có lưu giữ sẵn bài giảng điện tử và phần mềm cần thiết để có thể hỏi/yêu cầu/ra đề cho học sinh học trực tuyến từ xa. Giáo viên có thể truyền tải hình ảnh và âm thanh qua đường truyền băng thông rộng hoặc kết nối không dây (WiFi, WiMAX), mạng nội bộ (LAN).

“E-learning là một loại hình đào tạo chính quy hay không chính quy hướng tới thực hiện tốt mục tiêu học tập, trong đó có sự tương tác trực tiếp giữa người dạy với người học cũng như giữa cộng đồng học tập một cách thuận lợi thông qua công nghệ thông tin và truyền thông” (PGS.TS. Lê Huy Hoàng).

1.2. Ưu và nhược điểm của dạy học trực tuyến

1.2.1. Ưu điểm

Dạy học trực tuyến có những ưu điểm sau:

- Tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian và không gian học tập.
- + Tiết kiệm chi phí học tập: Việc học trực tuyến giảm thiểu khoảng 60% chi phí cho việc đi lại, địa điểm... Người học có thể đăng ký nhiều khóa học với các mức chi phí thấp.

+ Tiết kiệm thời gian học tập: So với việc học tại trường thì người học có thể tiết kiệm lên tới 40% tổng thời gian dành cho việc học tập.

- Đào tạo mọi lúc mọi nơi: Học trực tuyến giúp truyền đạt kiến thức nhanh chóng ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào mà bạn muốn.

- Tăng tính độc lập trong việc dạy và học.
- Tăng khả năng đọc, phân tích và tổng hợp.
- Tăng khả năng tương tác nhóm.

1.2.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm thì việc học online cũng mang đến nhiều nhược điểm:

- Người học sẽ không có cơ hội được học tập và

trao đổi với bạn bè.

- Muốn học trực tuyến tốt thì phải có đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm và có kỹ năng sư phạm tốt.

- Phương pháp này không phù hợp với những người lớn tuổi, không quá thành đao về máy tính.

- Môi trường học tập trực tuyến không kích thích được sự sáng tạo và chủ động của người học giống như học tập truyền thống, thiếu sự tương tác giữa giáo viên và người học.

- Làm giảm đi khả năng truyền đạt và sự nhiệt huyết, sự hỗ trợ của giáo viên.

- Có một số giáo viên không thực sự quen với việc dạy học trực tuyến dẫn tới bị áp lực.

- Phụ thuộc rất nhiều vào công nghệ (đường truyền, cấu hình thiết bị).

- Nay sinh vẫn đề liên quan tới an ninh mạng và cả quyền sở hữu trí tuệ.

- Việc học trực tuyến có thể gây nhiều khó khăn nếu người học thiếu chủ động.

1.3. Một số phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến hiện nay

Có rất nhiều phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến hiện nay như: Microsoft Education, Zoometing, Skyper, Google Hangout,... Bài viết xin giới thiệu đặc điểm của một số phần mềm dạy học trực tuyến như sau:

1.3.1. Microsoft Education

Là một sản phẩm thương mại, được cung cấp như là một hệ sinh thái giáo dục đào tạo trực tuyến tại địa chỉ <https://www.microsoft.com/vi-vn/education> bao gồm quản lý nhà trường, quản lý giảng viên, quản lý nền tảng IT, quản lý học sinh, các khóa đào tạo, kết nối đa quốc gia, tham quan thực tế ảo...

Muốn dùng được phần mềm này thì phải mua windows 10, office 365 Education và mua cả thiết bị như máy tính bảng, laptop... vì vấn đề bản quyền.

1.3.2. Zoom Cloud Meeting

Zoom Cloud Meeting hay còn được gọi là Zoom là phần mềm giúp các giáo viên dạy học online, thảo luận nhóm hay thực hiện các cuộc họp online hoàn toàn miễn phí. Một lớp học trên zoom với số người tham gia tối đa khoảng 100 người, thời gian mỗi tiết học có thể kéo dài từ 40-45 phút và số lần meeting thì không giới hạn. Bạn có thể sử dụng phần mềm này trên cả máy tính và điện thoại đều được. Ngoài ra phần mềm này có nhiều tính năng rất hữu ích cho các giáo viên khi thực hiện dạy online như: chia sẻ file bài tập, share màn hình máy tính, thu hình lại buổi học, trao đổi với người học. Hơn thế chất lượng đường truyền ổn định, hình ảnh rõ nét.

1.3.3. Skype

Skype là phần mềm cho phép nhắn tin, gọi điện thoại hoặc video rất nổi tiếng và hoàn toàn miễn phí. Ngoài tính năng trên, skype còn hỗ trợ thêm tính năng cuộc gọi nhóm có hỗ trợ hình ảnh để áp dụng cho các hoạt động hội họp dạy học trực tuyến nhỏ.

Skype hỗ trợ trên máy tính để bàn, điện thoại di động, máy tính bảng, ti vi. Người dùng chỉ cần tạo tài khoản hoàn toàn miễn phí thì có thể sử dụng tối đa 100 giờ/tháng, 10 giờ/ngày và 4 giờ/cuộc họp. Khi hết thời gian cuộc họp, nó sẽ chuyển sang chế độ cuộc gọi bình thường.

1.3.4. Google Hangout

Là tính năng được phát triển kèm với dịch vụ Google plus của Google. Để sử dụng, người dùng chỉ cần có tài khoản gmail và gọi ngay vào tài khoản này để sử dụng.

Google Hangout có thể chạy trực tiếp trên trình duyệt Chrome nên bạn có thể sử dụng với bất kỳ loại máy tính nào. Trên điện thoại di động, Google Hangout hỗ trợ 2 nền tảng phổ biến là IOS và Android và chạy tốt nhất trên Android vì nó là con đẻ của Google.

Google Hangout hoàn toàn miễn phí như các dịch vụ khác của Google. Tốc độ tối đa trong một cuộc gọi họp Group Video Call là 10 người. Đây là con số khá ánh tượng. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng cuộc gọi, Google Hangout khuyên người dùng sử dụng tối đa 5 người.

2. Kỹ năng học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương

2.1. Xác định đúng đắn mục tiêu, động cơ học tập

Sinh viên phải xác định rõ mục tiêu học tập của mình: Học để nâng cao kiến thức học, để phát huy năng lực bản thân, áp dụng những kiến thức đó vào những vấn đề cuộc sống? Khi có mục tiêu cụ thể, sinh viên sẽ cảm thấy có động lực hơn trong việc học.

2.2. Có kế hoạch học tập rõ ràng

Lập kế hoạch học tập là việc xây kế hoạch cho những hoạt động cụ thể nhằm thực hiện được các nhiệm vụ mà mục tiêu đề ra. Mỗi cá nhân khi xây dựng kế hoạch học tập cụ thể cần phải hiểu rõ mục tiêu và tính toán những bước đi thích hợp. Khi lập kế hoạch cần phải suy nghĩ về những gì sẽ làm, chuẩn bị tốt nhất để đạt được hiệu quả học tập cao và phải đặt câu hỏi là tại sao chúng ta phải làm như thế. Đây chính là quá trình lập kế hoạch học tập, là quá trình lập học cách học, mỗi cá nhân phải tính toán cách thức và thời gian để hoàn thành các công việc. Hiện nay, đa số sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập còn mang tính tùy tiện, gấp gáp học đó, chưa hình dung được toàn bộ công việc mình đang và sẽ làm như thế nào. Trong khi đó một khối lượng công việc lớn mà sinh viên phải hoàn thành lại chỉ thực hiện trong một thời gian hạn chế. Vì vậy người học cần phải sử dụng thời gian một cách tiết kiệm và hiệu quả, bằng cách phân phối công việc một cách khoa học, đặc biệt chú ý đến thời gian tự học.

2.3. Có phương pháp học tập phù hợp

Phương pháp học trực tuyến phù hợp hiện nay

đối với sinh viên được thể hiện rất rõ từ việc tiếp nhận thông tin từ giảng viên, xử lý các thông tin và lưu trữ thông tin.

Việc tiếp nhận thông tin được thể hiện qua các nội dung:

- Đọc bài mới trước khi học, tự suy nghĩ và tự trả lời các câu hỏi, nên đặt ra các câu hỏi còn vướng mắc để chú ý hơn khi nghe giảng viên giảng bài.

- Học trực tuyến không có sự giám sát của thầy cô, do đó sinh viên phải thường xuyên ghi chép trong quá trình học để nhớ bài giảng lâu hơn, gạch dưới những nội dung giáo viên nhấn mạnh vì đó là các nội dung quan trọng. Sinh viên phải nhớ rằng mỗi lần ghi chép là thêm một lần nhớ.

Xử lý thông tin: Sinh viên phải tự đặt câu hỏi trước mọi vấn đề và tự mình suy nghĩ để tìm ra câu trả lời. Đối với những kiến thức khó hiểu sinh viên có thể hỏi giảng viên ngay trong giờ học hoặc trao đổi thông qua việc gọi điện thoại, gửi email,... Việc tìm ra mối liên hệ của các vấn đề sẽ giúp sinh viên có một cái nhìn tổng thể về nội dung của bài học và học phần mình đang học.

Lưu trữ thông tin: Đây là khâu quan trọng cuối cùng trong việc tiếp thu kiến thức. Do đó, để lưu trữ thông tin, sinh viên phải ghi nhớ các nội dung chính, trọng tâm của bài học. Sinh viên phải thường xuyên ôn tập và có lịch trình ôn tập rõ ràng.

2.4. Kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu tham khảo

Để việc đọc sách có chất lượng và hiệu quả, sinh viên cần đọc theo một quy trình nhất định nếu không sinh viên sẽ mất thời gian mà không thu được nhiều kết quả và không lưu trữ được những thông tin cần thiết. Vì vậy, việc đọc sách cần được thực hiện nghiêm túc và tuân theo các yêu cầu sau:

- *Đọc có suy nghĩ:* Muốn hiểu những điều sách viết, người đọc phải hết sức tập trung tư tưởng khi đọc, nhiều khi còn phải ngưng lại để ôn những đoạn cần biết, chưa nắm vững, đến khi thông suốt rồi

mới đọc tiếp. Đọc sách để hiểu những điều tác giả nói và cả những điều tác giả không nói, người đọc tự suy nghĩ, mở rộng đến những điều liên quan mà sách không đề cập đến. Ở mức độ này, người đọc không chỉ tiếp thu kiến thức từ sách mà còn rèn luyện được phương pháp tư duy. Đọc nhiều sách cũng giống như đàm đạo giúp chúng ta hiểu sâu thêm vấn đề, làm phong phú thêm vốn kiến thức.

- *Đọc có hệ thống*: Khi đọc bất kỳ cuốn sách nào, người ta thường đọc theo các bước sau:

+ Đọc lướt nhanh toàn bộ phần tổng quát để nắm sơ bộ nội dung cuốn sách.

+ Đọc kỹ: Tùy theo mục đích đọc mà có thể đọc kỹ một lần hoặc nhiều lần. Khi đọc kỹ các lần sau, chỉ cần đọc lại những điều cơ bản hoặc các nội dung mà lần đầu chưa hiểu, chưa nắm vững. Những lần đọc sau sẽ làm người đọc nắm sâu hơn, hiểu kỹ hơn;

+ Đọc nhanh: Cần tự rèn luyện cách đọc nhanh để tập trung được sự chú ý, sự suy nghĩ diễn ra liên tục và dễ dàng xác lập được mối quan hệ giữa các đoạn với nhau khiến ta dễ nắm được nội dung tài liệu.

- *Đọc có chọn lọc*: Đọc có chọn lọc là đọc để tìm những điểm cốt lõi, chọn ý tưởng hay nhất, đúng nhất và có ích cho việc học sẽ rèn được tư duy phê phán, làm tiền đề cho năng lực giải quyết vấn đề sau này.

- *Đọc có ghi nhớ*: Đọc sách là học tập tích cực nên cần kèm theo việc ghi chép để nhớ lâu. Đọc để tìm tài liệu bổ sung, cần ghi chép phần bổ sung đó ra, đồng thời đánh dấu để tra cứu khu cần thiết. Các ý chính cần ghi chép cẩn thận, gạch chân hoặc tô màu vì đó là ý cơ bản mà từ đó có thể suy luận ra các ý khác liên quan. Những phần chưa hiểu hoặc chưa nắm vững cũng cần đánh dấu để tiếp tục suy nghĩ, tìm người giải đáp.

Một biện pháp đọc để nhớ lâu là mô hình hóa các nội dung đã đọc bằng cách sắp xếp chúng theo bản đồ trí tuệ (mind map). Khi xây dựng được bản

đồ trí tuệ có nghĩa là chúng ta đã hệ thống hóa toàn bộ nội dung đã đọc và giải thích được mối liên hệ giữa chúng với nhau.

2.5. Kỹ năng chọn lọc, sử dụng vốn kiến thức cũ để học kiến thức mới

Muốn nhận thức kiến thức mới có hiệu quả bắt buộc phải liên hệ các kiến thức cũ, các kiến thức khoa học liên ngành khác làm cơ sở cho hoạt động tư duy của sinh viên. Kỹ năng này thúc đẩy quá trình nhận thức kiến thức mới cũng như việc tự học của sinh viên. Để làm được điều này, có thể tiến hành theo các cách sau:

- Khi học các kiến thức mới cần phải tái hiện những kiến thức cũ có liên quan để làm sáng tỏ các kiến thức mới.

- Kiến thức cũ có thể là những tình huống giáo dục thường gặp trong thực tế đã nhận biết được. Dùng kiến thức này để chứng minh cho các kiến thức mới đang lĩnh hội.

- Dùng kiến thức có trước kết hợp với các kiến thức mới tiếp theo để hình thành những vấn đề nghiên cứu và giải quyết những vấn đề đó.

2.6. Tạo thói quen tự giác và quyết tâm cao trong học tập

Với sự linh động trong thời gian và không gian học tập, sinh viên được tự do, thoái mái học tập khi không có mặt của giảng viên. Chính vì vậy, nhiều sinh viên học không tập trung, không tự giác trong học tập và rất dễ bị lôi vào người khác. Vì thế việc tạo cho mình thói quen tự giác, kỷ luật với bản thân là phương pháp học trực tuyến hiệu quả đối với sinh viên.

2.7. Thiết kế không gian học tập thoái mái

Một môi trường học tập thoái mái và tạo sự tập trung sẽ giúp sinh viên học tập tốt hơn, hiệu quả học tập cao hơn. Có một không gian học tập riêng, thoái mái, yên tĩnh sẽ giúp sinh viên không bị phân tâm trong quá trình học bởi mọi người xung quanh.

Sinh viên cần lựa chọn địa điểm học thích hợp,

không nên học ở trên giường vì nó rất dễ khiến sinh viên buồn ngủ, chán học. Ngoài ra bàn học cá nhân, tạo tư thế thoải mái sẽ mang lại hiệu quả học tập cao nhất.

Tắt điện thoại hoặc các thiết bị điện tử không cần thiết để có thể thực sự tập trung vào việc học, tắt các tap không phục vụ cho việc học để không làm xao nhãng và tốn thời gian.

2.8. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp cực kỳ quan trọng khi học trực tuyến. Giảng viên luôn sẵn sàng giúp đỡ sinh viên của mình trong quá trình học tập nhưng sinh viên phải là người chủ động yêu cầu và tìm kiếm sự trợ giúp đó. Sinh viên muốn giao tiếp hiệu quả với giảng viên thì sinh viên hãy biết cách tận dụng các công cụ trực tuyến bao gồm gửi email, trao đổi quaqua điện thoại di động, gửi tin nhắn...

2.9. Kỹ năng sử dụng thiết bị học trực tuyến (máy tính, smartphone...)

Để học trực tuyến hiệu quả sinh viên cần phải biết một số kỹ năng sử dụng các thiết bị (máy tính, smartphone...) cơ bản như: kỹ năng soạn thảo văn bản, tạo tài liệu mới, sử dụng Internet và một số phần mềm thông dụng...

KẾT LUẬN

Dạy học trực tuyến là một xu thế phát triển không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Dạy học trực tuyến hướng tới xã hội hóa học tập, nó giúp giải quyết nhiều vấn đề khó khăn khi người học có thể học mọi lúc mọi nơi, đây là điều mà các phương pháp dạy học truyền thống không có được. Tuy nhiên, để phát triển hình thức này, đòi hỏi người dạy và người học cần trau dồi các kiến thức, kỹ năng để dạy học trực tuyến, đồng thời, cần phải thực hiện tốt các giải pháp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, lãnh đạo nhà trường, đội ngũ giảng viên và ý thức, trách nhiệm của người học □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://sites.google.com/a/oude.edu.vn/cong-thong-tin-ho-tro-test/ban-co-biet-hoc-truc-tuyen-cung-can-phai-co-ki-nang>.
2. <https://edubit.vn/blog/lam-sao-de-xay-dung-phuong-phap-hoc-online-hieu-qua>.
3. <http://giasutaihanoi.edu.vn/uu-va-nhuoc-diem-cua-viec-hoc-truc-tuyen/>.
4. https://koolsoftlearning.com/day-hoc-truc-tuyen/#Day_hoc_truc_tuyen_la_gi.
5. <https://giaoduc.net.vn/du-hoc/ky-nang-hoc-truc-tuyen-hieu-qua-danh-cho-du-hoc-sinh-post211847.gd>.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HUYỆN TỨ KỲ HẢI DƯƠNG

NGUYỄN MẠNH BÁO

Học viên lớp M2QLKT1

Đặt vấn đề

Hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại góp phần quan trọng trong việc cung ứng nguồn lực tài chính cho các pháp nhân, thể nhân, giúp hệ thống hoàn của nền kinh tế hoạt động linh hoạt, hiệu quả. Tuy nhiên, hoạt động cho vay nói chung và cho vay khách hàng cá nhân nói riêng luôn đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của các ngân hàng. Trong bối cảnh đó, việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại, trong đó có Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tứ Kỳ nói riêng, là đòi hỏi, yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo an toàn tín dụng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và sự phát triển bền vững của chi nhánh.

Từ khóa: cho vay, cho vay KHCN, KHCN, tín dụng KHCN...

1. Hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại

1.1. Khái niệm cho vay KHCN

Với đặc thù của một lĩnh vực kinh doanh đầy nhạy cảm, hoạt động cho vay nói chung và cho vay tiêu dùng nói riêng của các ngân hàng thương mại (NHTM) luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến tình hình tài chính và sự phát triển bền vững của ngân hàng.

Về lý thuyết, cho vay là quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng với các doanh nghiệp (DN), tổ chức kinh tế, các tổ chức và cá nhân được thực hiện dưới hình thức NHTM đứng ra huy động vốn bằng tiền và cho vay đối với các đối tượng nói trên.

Như vậy, cho vay KHCN là hình thức cấp tín dụng, trong đó NHTM thoả thuận để sử dụng một khoản tiền với mục đích tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh... trên nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi trong một thời gian nhất định (*Nguyễn Đăng Dòn*,

2014).

Quan hệ tín dụng trong hoạt động của ngân hàng thể hiện như sau: Người cho vay chuyển giao cho người đi vay một lượng giá trị nhất định, giá trị này có thể dưới hình thái tiền tệ hay hiện vật như hàng hóa, nhà xưởng. Người đi vay chỉ được sử dụng tạm thời lượng giá trị chuyển giao trong một thời gian nhất định. Sau khi hết thời gian thỏa thuận người đi vay phải có nghĩa vụ hoàn trả cho người cho vay một lượng giá trị lớn hơn giá trị ban đầu.

1.2. Phân loại tín dụng cho vay KHCN

Về mặt lý thuyết, tín dụng ngân hàng có thể được phân loại theo các tiêu chí như sau:

- Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay: là khoản vay đáp ứng nhu cầu chi tiêu, sản xuất kinh doanh, xây dựng, cho vay bất động sản....
- Căn cứ vào phương thức cho vay từng lần: là phương pháp cho vay mà mỗi lần vay khách hàng

và ngân hàng đều phải làm các thủ tục cần thiết và ký hợp đồng tín dụng.

- Căn cứ biên bản đảm bảo khoản vay: chủ yếu bao gồm cho vay có tài sản đảm bảo và cho vay không có tài sản đảm bảo.

- Căn cứ vào thời hạn: Cho vay ngắn hạn có thời hạn cho vay tối đa 01 năm, Cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm, cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 05 năm. (*Vũ Xuân Dũng (2012)*).

1.3. Quy trình cho vay KHCN

Thực tiễn hoạt động cho vay nói chung và cho vay KHCN nói riêng của các NHTM cho thấy, cho vay KHCN của NHTM thường được thực hiện theo quy trình sau:

Một là, tiếp nhận hồ sơ vay của khách hàng cá nhân: Hồ sơ vay bao gồm hồ sơ khách hàng và hồ sơ khoản vay. Hồ sơ khách hàng cần chuẩn bị bao gồm hồ sơ cá nhân, hồ sơ chứng minh nơi ở và hồ sơ chứng minh thu nhập. Hồ sơ khoản vay được quy định khác nhau tùy từng ngân hàng và các tổ chức tín dụng, phổ biến nhất là đơn đề nghị vay vốn.

Hai là, thẩm định điều kiện vay của khách hàng cá nhân: Sau khi cung cấp đủ hồ sơ vay vốn, ngân hàng và các tổ chức tín dụng sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ và điều kiện vay và mục đích vay vốn của khách hàng cá nhân cũng như tài sản thế chấp.

Ba là, kiểm tra hồ sơ và mục đích vay vốn: Bộ phận thẩm định của ngân hàng và các tổ chức tín dụng sẽ nhập hồ sơ của khách hàng lên hệ thống và kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ. Tại bước này, bộ phận thẩm định cũng sẽ kiểm tra hồ sơ của khách hàng có phù hợp với mục đích vay vốn của khách hàng hay không. Nếu có thiếu sót,

hồ sơ sẽ được trả về cho khách hàng để bổ sung hoặc sửa đổi. (*Nguyễn Đăng Dòn, 2014*).

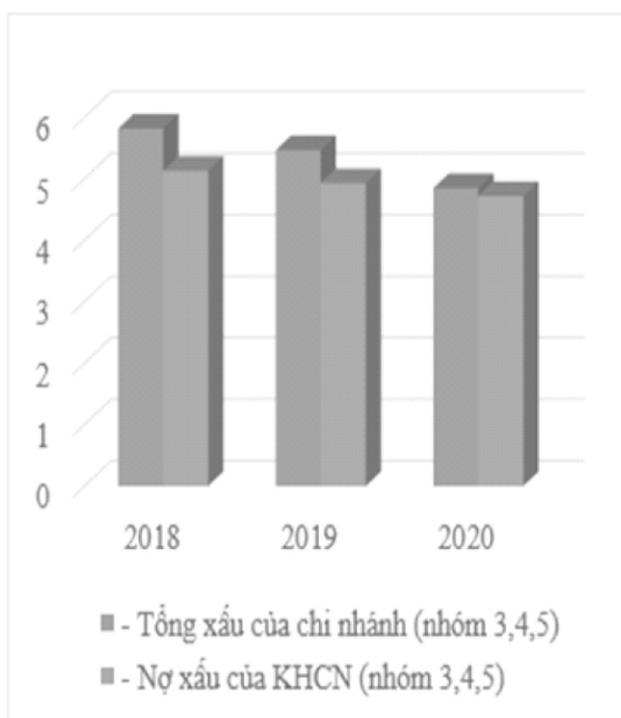
2. Thực trạng cho vay KHCN tại Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Để nghiên cứu về hiệu quả hoạt động cho vay KHCN của các NHTM nói chung và hệ thống Agribank nói riêng, tác giả tiến hành phân tích thực trạng số liệu từ các báo cáo tài chính của Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trong giai đoạn 2018-2020.

Số liệu hoạt động cho vay KHCN của Chi nhánh thay đổi theo chiều hướng tăng trong giai đoạn 2018-2020. Cụ thể: Năm 2018, doanh số cho vay KHCN đạt 1.162 tỷ đồng; năm 2019 tăng lên là 1.304 tỷ đồng; năm 2020 tăng lên là 1.476 tỷ đồng.

Về dư nợ cho vay KHCN Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018-2020 cũng tăng lên theo các năm. Cụ thể: Năm 2018, dư nợ cho vay KHCN đạt 1.016 tỷ đồng; năm 2019 đạt 1.215 tỷ đồng, tăng 199 tỷ đồng (19,5%) so với năm 2018; đến năm 2020 đạt 1.275 tỷ đồng, tăng 60 tỷ đồng (4,9%). Số liệu tăng qua các năm đã thể hiện năng lực quản lý, điều hành tốt của ngân hàng cùng với tình hình thuận lợi của kinh tế - xã hội địa phương, cũng như chất lượng khách hàng cá nhân và năng lực quản lý, điều hành của Chi nhánh trên địa bàn huyện Tứ Kỳ nói riêng và tỉnh Hải Dương nói chung.

Về doanh số thu nợ của Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trong giai đoạn 2018-2020 cũng có xu hướng tăng. Cụ thể: Năm 2018, doanh số thu nợ từ KHCN đạt 1.024 tỷ đồng thì đến năm 2020 là 1.374.465 tỷ đồng.



Bảng 2: Tỷ lệ nợ xấu của Chi nhánh

Về tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2018-2020 đã giảm dần. Cụ thể: Năm 2018, nợ xấu gồm 14,713 tỷ đồng thì đến năm 2020 (chiếm 1,21% / tổng dư nợ KHCN), năm 2019 chỉ còn 14,660 tỷ đồng (chiếm 1,09%), giảm 53 tỷ đồng so với năm 2018 và năm 2020 tiếp tục giảm còn 12,787 tỷ đồng (chiếm 0,93% / tổng dư nợ KHCN). Để đạt được kết quả này là do Ban lãnh đạo Chi nhánh đã rất chú ý chỉ đạo về việc theo dõi và đốc thúc nợ diễn ra thường xuyên nên việc thu nợ gốc và lãi được thực hiện rất nghiêm túc, Chi nhánh tạm dừng cho vay đối với khách hàng liên quan đến lĩnh vực rủi ro cao (kinh doanh bất động sản, chứng khoán,...). Đặc biệt cuối năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp trên địa bàn hoạt động của Chi nhánh đã gây ra một số khó khăn cho hoạt động cho vay của Chi nhánh, cùng với chính sách giãn hạn nợ cho KHCN thì Chi nhánh vẫn tập trung xử lý thu hồi nợ xấu, thực hiện rà soát lại chính sách khách hàng và áp dụng tỷ lệ

tài sản đảm bảo cao hơn cho các khoản dư nợ.

Tuy nhiên do việc kiểm soát mục đích sử dụng vốn vay liên quan đến tài chính của KHCN là khá khó khăn, cùng với nhận thức, đạo đức của khách hàng có tình đến hạn không trả, thông tin chưa được đầy đủ,... dẫn đến tình hình nợ xấu vẫn chiếm tỷ lệ khá cao trung bình 38,4% trong tổng nợ xấu cho vay của Chi nhánh, ảnh hưởng đến hoạt động cho vay nói chung và cho vay KHCN nói riêng. Mặt khác, tình hình tăng trưởng tín dụng của Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương không ổn định ở những tháng cuối năm 2020, dẫn đến dư nợ bình quân thấp, lãi suất huy động vốn có khi còn thấp nên việc cạnh tranh về lãi suất trong công tác huy động vốn chưa thuận lợi. Hoạt động tín dụng gặp nhiều rủi ro làm cho hoạt động tín dụng ngày càng thận trọng hơn. Quá trình quản lý khoản vay còn chưa chặt chẽ dẫn đến khó khăn trong quá trình cơ cấu nợ cũng như xử lý nợ. Việc quản lý điều hành, chấp hành nguyên tắc chế độ thi đấu trách nhiệm nên phát sinh sai phạm trong hoạt động cho vay. Biện pháp kiểm tra, kết quả xử lý sau kiểm tra chưa phát huy tác dụng...

3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay KHCN

3.1. Dự báo thay đổi môi trường và thị trường cho vay KHCN giai đoạn đến 2025

Hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ và tác động đến Việt Nam yêu cầu thực hiện đầy đủ các cam kết hội nhập trong mọi lĩnh vực bao gồm cả lĩnh vực tài chính ngân hàng, sẽ tạo ra động lực thúc đẩy công cuộc hiện đại hóa hệ thống ngân hàng Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng sinh lời của các tổ chức tài chính ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng trong nước. Dự báo đến năm 2025 thị trường tài chính Việt Nam sẽ có những cải cách mạnh mẽ sau

khủng hoảng, có thể thành lập các tập đoàn tài chính mới hội nhập sâu rộng vào thị trường tài chính quốc tế, có nhiều điều kiện tốt để mở rộng hoạt động, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Mặt khác, khi kinh tế tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và có nhiều cơ hội được tiếp cận và trải nghiệm những sản phẩm dịch vụ mới, đồng thời trình độ và nhận thức của người dân cũng được nâng lên khi đó việc sử dụng sản phẩm dịch vụ cho vay KHCN dần được ưa chuộng và phát triển theo nhằm đạt được những mong muôn, nhu cầu sớm hơn. Vì lẽ đó mà dịch vụ tài chính KHCN sẽ có rất nhiều tiềm năng phát triển.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay KHCN

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay KHCN tại hệ thống NHTM nói chung và tại hệ thống Agribank, trong đó có Agribank chi nhánh huyện Tú Kỳ, tỉnh Hải Dương, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng: Trong quá trình thẩm định, nhân viên tín dụng thường xuyên cập nhật thông tin mới, dự báo ngành nghề, giá cả thị trường, thông tin kinh tế - kỹ thuật; Khảo sát thực tế ngành nghề mà khách hàng đang kinh doanh để giúp cho công tác thẩm định luôn chính xác và đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, cán bộ tín dụng phải đến tận nơi khách hàng sản xuất, kinh doanh để khảo sát thực tế nhằm tránh tình trạng bị khách hàng lừa dối...

Hai là, cải tiến chất lượng dịch vụ: Chi nhánh cần tiếp tục cải tiến, đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt phiền hà cho khách hàng vay vốn, nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay đồng thời nâng cao khả năng thẩm

định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay. Xác lập cơ chế thực thi đơn giản và rõ ràng để rút ngắn khoảng cách giữ chính sách với thực tế triển khai. Xây dựng chính sách cho vay có hiệu quả, trong đó cần có những quy định rõ ràng về điều kiện, nguyên tắc thẩm định, thời hạn cho vay và thu hồi vốn lãi, quan trọng hơn nữa là có mức lãi suất vừa phù hợp với thị trường, vừa có thể thu hút được khách hàng...

Ba là, hoàn thiện chính sách quản lý nợ hợp lý, hiệu quả: Cán bộ tín dụng phải thường xuyên đến địa bàn kiểm tra, quản lý việc sử dụng vốn vay của khách hàng, hướng dẫn họ sử dụng vốn đúng mục đích. Cán bộ tín dụng phụ trách từng địa bàn cũng phải theo dõi chặt chẽ nợ đến hạn; Hàng tháng, cung cấp danh sách cho các tổ trưởng và phối hợp với tổ trưởng thông báo nợ đến hạn đến tận hộ vay. Ngân hàng thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của khách hàng để có hướng giải quyết kịp thời, hạn chế tối đa việc chuyển nợ quá hạn. Trường hợp xét thấy khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn phải báo cáo với lãnh đạo để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bốn là, tăng cường kiểm soát nợ và hạn chế nợ xấu: Ngân hàng thường xuyên kiểm soát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng, không để khách hàng sử dụng vốn sai mục đích; Chú trọng nâng cao khả năng dự đoán mức độ ảnh hưởng của các biến động về kinh tế - xã hội để các ngành nghề kinh doanh của khách hàng vay vốn tại ngân hàng, nâng cao chất lượng thẩm định, thường xuyên có chính sách đào tạo cán bộ, nhân viên có trình độ chuyên môn để hạn chế những sai sót trong việc phân tích, đánh giá sai khách hàng...

Năm là, nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên: Định kỳ Chi nhánh cần

tạo điều kiện cử cán bộ tín dụng tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ do Agribank triển khai, giúp cán bộ tín dụng cập nhật và nắm rõ những quy định, quy chế mới ban hành để có kiến thức chuyên môn thật vững vàng, có kinh nghiệm xử lý tình huống, đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong quá trình kinh tế hội nhập...

Sáu là, nâng cao vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra: Để góp phần nâng cao chất lượng và

hiệu quả tín dụng, làm giảm tình trạng cán bộ tín dụng cho vay không đúng quy định của ngân hàng như: vượt hạn mức, không có tài sản đảm bảo, sử dụng vốn sai mục đích; Thực hiện kiểm tra giám sát toàn diện các mặt, ưu tiên đi sâu kiểm tra các chuyên đề, các lĩnh vực dẫn đến tiêu cực; Nâng cao năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm tra, kiểm soát và tự chịu trách nhiệm nhằm đảm bảo đồng vốn mà Ngân hàng tài trợ được đầu tư đúng mục đích □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agribank chi nhánh huyện Tứ Kỳ, Hải Dương, Báo cáo thường niên các năm 2018, 2019, 2020;
2. Dương Hữu Hạnh (2012), Quản trị rủi ro ngân hàng, NXB Lao động;
3. PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến, Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại, Nhà xuất bản Thông kê, Hà Nội, 2012;
4. Nguyễn Đăng Dòn (2014), Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, NXB Thông kê;
5. PGS. TS Nguyễn Văn Thành, Kinh tế Việt Nam đến năm 2025: Cơ hội và thách thức, diễn ra tại Hà Nội ngày 10/10/2016;
5. Nguyễn Văn Tiến (2012), Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Thông kê;
6. Vũ Xuân Dũng (2012), Giáo trình Nhập môn Tài chính tiền tệ, NXB Thông kê.